

DANH SÁCH KIỂM TRA THÔNG TIN CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH (LẦN XÉT TỐT NGHIỆP 1,2,3)

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1	217720501189	Lê Phan Hoàng An	11/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
2	217720101001	Trần Đức Phúc An	27/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
3	217720201107	Lê Thị Bảo Anh	14/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
4	217720101003	Nguyễn Thị Hoàng Anh	14/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
5	217720301146	Văn Thị Lan Anh	28/11/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
6	217720201106	Hồ Thị Nguyên Anh	14/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
7	217720201108	Nguyễn Thị Phương Anh	02/04/2002	Huế	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
8	217720501190	Lê Thủy Anh	09/07/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
9	217720101002	Lê Hoàng Trâm Anh	28/12/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
10	217720501191	Trần Bảo Tú Anh	08/03/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
11	217720301145	Hoàng Vân Anh	01/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
12	217720101004	Trương Thị Vân Anh	16/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
13	217720101005	Võ Thị Minh Ánh	24/02/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
14	217720101008	Phan Thái Bình	06/02/2003	Bình Định	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
15	217720101007	Nguyễn Thị Thanh Bình	06/06/2003	Đồng Nai	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
16	217720301147	Đạt Nữ Hoàng Châu	06/03/2002	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
17	217720101009	Lê Vũ Minh Châu	21/09/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
18	217720501192	Nguyễn Nhật Khánh Chi	16/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
19	217720101010	Phạm Kim Cúc	25/10/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
20	217720301148	Trần Mạnh Cường	07/07/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
21	217720101011	Nguyễn Công Danh	24/09/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
22	217720101012	Lê Thị Diễm	02/02/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
23	217720101013	Phạm Thanh Diệp	09/10/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
24	217720101014	Lê Hà Khánh Duyên	27/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
25	217720501193	Nguyễn Thủy Duyên	27/02/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
26	217720301150	Ksor H' Duyệt	12/03/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
27	217720101015	Nguyễn Hồ Thùy Dương	18/04/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
28	217720201110	Phan Trọng Đại	16/04/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
29	217720301151	Nguyễn Phúc Khánh Đan	05/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
30	217720101016	Phạm Linh Đan	03/09/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
31	217720201111	Đoàn Minh Đan	31/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
32	217720101019	Vô Thành Đạt	16/06/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
33	217720101018	Trần Nguyễn Tuấn Đạt	30/12/2002	Huế	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
34	217720101017	Nguyễn Văn Đạt	17/01/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
35	217720501194	Nguyễn Anh Đức	13/11/2003	Vũng Tàu	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
36	217720101020	Nguyễn Trọng Đức	01/01/2003	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
37	217720201123	H Noang - Êban	24/12/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
38	217720301153	Nguyễn Hà Giang	03/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
39	217720101021	Trương Gun	02/06/2002	Bình Thuận	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
40	217720301154	Lưu Thị An Hạ	09/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
41	217720301155	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	11/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
42	217720301156	Nguyễn Thị Hằng	04/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
43	217720101022	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
44	217720101023	Tô Kiều Hậu	06/12/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
45	217720201112	Vũ Thị Hiền	24/02/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
46	217720301157	Lê Thị Diệu Hiền	14/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
47	217720101024	Trần Thanh Hiền	21/01/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
48	217720101026	Vũ Thị Thanh Hoa	14/09/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
49	217720101027	Đỗ Thị Hòa	27/04/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
50	217720101028	Nguyễn Phước Quý Hoàng	10/07/2003	Huế	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
51	217720201113	Nguyễn Tấn Hoàng	03/02/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
52	217720201114	Nguyễn Viết Hoàng	06/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
53	217720501197	Nguyễn Thị Diên Hồng	12/02/2002	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
54	217720101029	Nguyễn Thị Bích Hợp	07/10/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
55	217720501198	Nguyễn Đức Huy	02/08/2002	Nam Định	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
56	217720101030	Đỗ Ngọc Huy	15/09/2003	Bình Định	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
57	217720501200	Nguyễn Ngọc Huyền	21/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
58	217720301159	Nguyễn Nhị Thanh Huyền	18/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
59	217720101031	Nguyễn Thị Huyền	27/02/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
60	217720301158	Phan Thị Huyền	10/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
61	217720101032	Trần Thị Huyền	24/09/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
62	217720301160	Nguyễn Thị Khánh Hương	25/11/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
63	217720101034	Phan Thị Quỳnh Hương	24/11/2001	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
64	217720101033	Nguyễn Thị Thu Hương	18/06/2003	Bình Phước	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
65	217720101035	Trần Đức Khải	08/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
66	217720101036	Nguyễn Phước Khang	24/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
67	217720301161	Hồ Quốc Khánh	03/07/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
68	217720301162	Trần Bảo Kiên	03/12/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
69	217720101037	Nguyễn Trung Kiên	22/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
70	217720101038	Mai Thị Quỳnh Lan	02/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
71	217720501201	Hoàng Thị Lê	18/08/2002	Nghệ An	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
72	217720101039	Nguyễn Văn Lên	17/06/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
73	217720201117	Nguyễn Trần Diễm Linh	20/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
74	217720101040	Lê Đoàn Khánh Linh	03/12/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
75	217720301165	Trần Thị Mỹ Linh	24/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
76	217720301164	Đỗ Ngọc Linh	24/05/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
77	217720101041	Nguyễn Văn Linh	17/09/2002	Nghệ An	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
78	217720101043	Võ Đại Bảo Long	19/01/2002	Huế	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
79	217720101042	Trần Nguyễn Thanh Long	01/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
80	217720201118	Nguyễn Thị Hữu Lộc	08/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
81	217720301166	Lê Thị Khánh Ly	18/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
82	217720501202	Bùi Thảo Ly	02/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
83	217720501203	Nguyễn Trần Vân Ly	09/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
84	217720301167	Cao Ngọc Mai	04/11/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
85	217720101044	Nguyễn Phương Mai	24/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
86	217720101045	Nguyễn Thái Tuệ Mẫn	08/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
87	217720101047	Lê Quang Bảo Minh	20/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
88	217720301168	Lê Duy Minh	06/03/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
89	217720101046	Đàm Phú Minh	16/04/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
90	217720101048	Đinh Diệu Diễm My	03/06/2003	Bình Thuận	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
91	217720101049	Bùi Đại Nam	14/01/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
92	217720301169	Lê Phương Nam	01/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
93	217720101050	Mai Phương Nam	06/05/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
94	217720201119	Bùi Thị Thúy Nga	09/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
95	217720201120	Nguyễn Thị Kim Ngân	27/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
96	217720101051	Huỳnh Thanh Ngân	01/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
97	217720101052	Nguyễn Trần Thảo Ngân	02/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
98	217720501204	Trần Ngọc Minh Nghĩa	16/06/2003	Huế	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
99	217720101053	Hà Minh Nghiệp	18/05/2003	Bình Định	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
100	217720501205	Nguyễn Hoài Ngọc	26/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
101	217720101054	Hứa Nữ Nhâm Ngọc	17/02/2002	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
102	217720101055	Nguyễn Như Ngọc	17/10/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
103	217720101056	Huỳnh Quang Nguyên	05/02/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
104	217720501206	Bùi Nguyễn Thảo Nguyên	23/02/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
105	217720301170	Trần Thị Thảo Nguyên	12/11/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
106	217720101057	Nguyễn Văn Nguyên	13/05/2003	Hải Dương	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
107	217720501207	Võ Thị Ánh Nguyệt	17/05/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
108	217720101058	Huỳnh Thị Thanh Nhân	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
109	217720101059	Lê Hiếu Nhân	22/04/2003	Huế	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
110	217720101060	Lê Nguyễn Huyền Nhi	21/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
111	217720501208	Đặng Linh Nhi	25/12/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
112	217720501210	Trần Phương Nhi	05/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
113	217720201122	Lê Hoàng Thảo Nhi	14/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
114	217720501209	Nguyễn Thị Uyển Nhi	03/02/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
115	217720101061	Đặng Trần Hồng Nhung	26/01/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
116	217720301171	Trần Thị Kim Nhung	02/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
117	217720101081	H - Thoa Niê	27/08/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
118	217720101063	Đặng Văn Nhật Phi	03/10/2003	Huế	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
119	217720501211	Trần Gia Phong	12/11/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
120	217720101064	Lê Thiên Phú	31/01/2003	Bình Định	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
121	217720101065	Võ Hồng Phúc	28/10/2003	Bình Định	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
122	217720101066	Trần Hữu Phước	17/01/2003	Bạc Liêu	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
123	217720101068	Vũ Bảo Phương	05/02/2001	Lâm Đồng	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
124	217720201124	Nguyễn Lan Phương	20/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
125	217720101067	Đặng Thị Lan Phương	30/05/2003	Ba Lan	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
126	217720301172	Đặng Minh Phương	16/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
127	217720301173	Nguyễn Thị Minh Phương	10/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
128	217720201125	Lê Thị Thúy Phương	24/03/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
129	217720101069	Huỳnh Đức Quang	29/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
130	217720101070	Hà Ngọc Quân	06/02/2002	Thanh Hóa	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
131	217720201126	Hoàng Nhật Quân	01/03/2003	Huế	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
132	217720501213	Nguyễn Thanh Quân	22/05/2003	Huế	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
133	217720201128	Nguyễn Hoài Quý	08/06/2002	Thanh Hóa	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
134	217720501215	Nguyễn Phú Quý	25/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
135	217720101071	Quách Văn Quý	03/07/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
136	217720301174	Võ Thị Quyên	03/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
137	217720101072	Lê Thị Trúc Quyên	27/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
138	217720101073	Lê Thị Diễm Quỳnh	20/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
139	217720501217	Nguyễn Như Quỳnh	30/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
140	217720201129	Phan Nguyễn Như Quỳnh	13/09/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
141	207720201150	Tô Thị Như Quỳnh	08/11/2002	Huế	Nữ	Kinh	D20	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
142	217720301175	Trần Như Quỳnh	22/07/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
143	217720101074	Lê Huỳnh Sơn	17/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
144	217720101075	Tạ Việt Sử	27/10/2003	Cà Mau	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
145	217720301176	Nguyễn Thị Thanh Tâm	08/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
146	217720101077	Nguyễn Thị Bích Thảo	02/08/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
147	217720101076	Nguyễn Phan Phương Thảo	22/01/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
148	217720201131	Trịnh Thị Phương Thảo	30/11/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
149	217720301177	Võ Thị Phương Thảo	05/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
150	217720201130	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
151	217720301178	Hoàng Thị Dương Thi	03/11/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
152	217720101078	Trần Thanh Thiên	12/06/2003	Bình Định	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
153	217720101079	Nguyễn Văn Thiết	06/03/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
154	217720101080	Huỳnh Quốc Thịnh	27/06/2003	Bình Định	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
155	217720301179	Đinh Thị Thoanh	27/01/2002	Định	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
156	217720101082	Bùi Thị Thơm	27/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
157	217720101084	Phạm Hoà Thuận	03/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
158	217720101083	Lê Quang Thuận	19/10/2003	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
159	217720501218	Trần Cẩm Thùy	11/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
160	217720301180	Võ Thị Thùy	28/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
161	217720301181	Phan Lê Anh Thư	24/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
162	217720201132	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	29/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
163	217720301182	Trần Thị Anh Thư	07/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
164	217720101085	Lê Thị Minh Thư	11/02/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
165	217720501219	Hoàng Thị Hoài Thương	04/12/2003	Đồng Nai	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
166	217720501220	Quách Trần Hoài Thương	09/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
167	217720101087	Lê Ngọc Tiến	01/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
168	217720101088	Trần Tiến	23/05/2003	Đồng Nai	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
169	217720301183	Lê Trung Tín	02/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
170	217720101089	Trần Thị Xuân Tình	27/04/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
171	217720201133	Nguyễn Trãi	06/09/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
172	217720501222	Cao Ngọc Đoan Trang	22/01/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
173	217720201134	Nguyễn Thị Thùy Trang	30/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
174	217720201135	Đặng Trần Bảo Trâm	18/02/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
175	217720101090	Đỗ Thị Bích Trâm	01/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
176	217720501223	Trần Lê Ngọc Trâm	24/03/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
177	217720101091	Trần Thị Trâm	02/02/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
178	217720101093	Phan Đức Trung	26/09/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
179	217720201137	Phan Quốc Trung	01/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
180	217720101092	Mai Văn Trung	15/03/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
181	217720101094	Trương Nguyễn Quang Trục	08/03/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
182	217720101095	Nguyễn Vũ Nhật Trường	05/07/2003	Ninh Thuận	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
183	217720501225	Mai Hoàng Tú	19/02/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
184	217720301184	Đỗ Thanh Tú	03/12/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
185	217720101096	Phan Thị Thanh Tú	10/03/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
186	217720201138	Nguyễn Võ Anh Tuấn	20/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
187	217720201139	Trần Phan Hoàng Tuấn	25/09/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
188	217720501226	Hà Thăng Tuyển	06/11/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
189	217720201140	Võ Thị Ánh Tuyết	20/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
190	217720301185	Nguyễn Thị Nhã Uyên	24/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
191	217720201141	Phan Thị Tú Uyên	18/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
192	217720301186	Trần Tú Uyên	09/04/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
193	217720301187	Ksor H' Uynh	13/09/2002	Gia lai	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
194	217720101097	Hồ Thị Kim Vi	20/03/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
195	217720201142	Phạm Kỳ Việt	10/05/2002	Khánh Hòa	Nam	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
196	217720101099	Trần Bá Vinh	21/02/2003	Khánh Hoà	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
197	217720101098	Nguyễn Đăng Vinh	26/01/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
198	217720101100	Võ Quang Vĩnh	25/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
199	217720101102	Trần Nguyễn Lương Vũ	12/08/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
200	217720101101	Lê Minh Vũ	19/03/2003	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
201	217720201143	Nguyễn Thị Diệu Vy	20/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	D21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
202	217720101103	Đỗ Thị Tường Vy	19/03/2003	Kiên Giang	Nữ	Kinh	YK21A	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
203	217720501227	Nguyễn Ninh Yến Vy	12/05/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
204	217720301188	Huỳnh Thị Xuân	05/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	DD21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
205	217720101104	Trương Như Ý	08/12/2002	Thanh Hoá	Nam	Kinh	YK21B	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
206	217720501228	Trần Thị Kim Yến	26/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	RHM21	SMP	ĐĐ1-K1-SMP	GDQPAN - K1
207	20050023	Lê Thị Thanh An	25/12/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20THM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
208	20010003	Trần Thiên An	12/11/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
209	18030002	Nguyễn Thị Việt An	05/03/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
210	18020005	Đoàn Nhật Anh	15/05/2000	Quảng Bình	Nam	Kinh	18CSE	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
211	20010112	Nguyễn Phúc Quỳnh Anh	04/11/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
212	20010041	Phan Ngọc Vân Anh	24/01/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM4	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
213	19030012	Đinh Thị Ngọc Ánh	02/07/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	19BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
214	20030006	Dương Nguyễn Hoa Bảo	19/11/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
215	19010072	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	20/02/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
216	18010089	Nguyễn Vũ Minh Châu	18/11/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
217	18010025	Võ Thị Trân Châu	27/11/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
218	18010030	Nguyễn Phạm Phương Chi	11/10/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
219	18020001	Thành Công Chiến	29/03/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18CSE	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
220	18020002	Phạm Trường Chinh	10/08/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18CSE	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
221	16020002	Đoàn Xuân Chinh	03/01/1998	Đà Nẵng	Nam	Kinh	17CSE	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
222	18010006	Nguyễn Trần Chính	02/06/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
223	19010001	Huỳnh Thị Mỹ Cơ	23/01/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
224	19010036	Trần Việt Cường	30/09/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
225	19010043	Phan Thị Hồng Dang	07/06/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
226	19010075	Hoàng Ngọc Diệp	23/10/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
227	19010080	Lê Khánh Dung	03/10/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
228	20050030	Nguyễn Hưng Khánh Duyên	28/01/2002	Huế	Nữ	Kinh	20THM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
229	19010064	Cao Thị Mỹ Duyên	14/12/2001	Gia Lai	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
230	20050041	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	19/12/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20THM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
231	16010036	Trương Mỹ Duyên	13/12/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	16IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
232	18030011	Nguyễn Thanh Dương	15/01/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
233	18010020	Nguyễn Triều Dương	25/08/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
234	18010097	Hồ Lê Linh Đan	25/10/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
235	19010089	Huỳnh Đặng Sỹ Đan	02/03/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
236	20050021	Nguyễn Thị Thanh Giang	19/04/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20THM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
237	20010085	Trương Nguyễn Lê Hà	11/08/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
238	17010032	Phan Vương Thanh Hà	11/01/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	17IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
239	19010081	Nguyễn Thị Thu Hà	01/02/2001	Ngãi	Nữ	Kinh	19 IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
240	18030014	Trịnh Thị Thu Hà	09/03/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
241	18010031	Lê Bá Hải	02/02/2000	Huế	Nam	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
242	19010016	Nguyễn Thị Hiếu Hạnh	30/10/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
243	20050014	Ngô Thị Bích Hằng	30/06/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20THM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
244	20050031	Trương Nguyễn Lê Hằng	11/08/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20THM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
245	18010036	Phạm Thu Hằng	10/12/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
246	20010117	Nguyễn Văn Trung Hậu	12/07/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	20IBM4	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
247	18010065	Trương Thị Thanh Hiền	24/08/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
248	18010023	Phạm Trần Thiệu Hoa	24/08/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
249	18010022	Phạm Trần Xuân Hoa	24/08/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
250	20010027	Nguyễn Hữu Hoàng	09/03/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	20IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
251	18010064	Vũ Minh Hoàng	02/09/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
252	19010011	Trần Gia Huân	15/03/2001	Huế	Nam	Kinh	19THM	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
253	18010015	Nguyễn Mạnh Hùng	14/06/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
254	18010050	Trương Bá Huy	26/11/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
255	19010068	Nguyễn Việt Huy	15/10/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
256	18010033	Vũ Thị Thu Huyền	23/10/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
257	18010072	Phạm Thị Kim Hương	12/06/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
258	16010037	Nguyễn Minh Kha	18/11/1998	Đà Nẵng	Nam	Kinh	16IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
259	20010091	Triệu Lê Gia Khánh	14/10/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
260	18010029	Phan Xuân Khánh	05/07/1998	Nghệ An	Nam	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
261	19010053	Phạm Thị Thiên Kim	07/06/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
262	18010084	Nguyễn Ngọc Liên	26/12/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
263	20010077	Nguyễn Lê Ái Linh	14/03/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
264	18010019	Nguyễn Đình Khánh Linh	04/06/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
265	19010070	Đặng Trần Mai Linh	22/01/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
266	19030008	Hoàng Thị Mỹ Linh	01/02/2001	Gia Lai	Nữ	Kinh	19BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
267	20010058	Lê Thị Nhật Linh	26/12/2002	Huế	Nữ	Kinh	20IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
268	18010048	Bạch Hoàng Phương Linh	21/06/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
269	18020004	Nguyễn Hoàng Linh	18/03/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18CSE	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
270	18010080	Lê Hoàng Long	17/12/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
271	18010046	Nguyễn Minh Long	11/11/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
272	18010056	Hoàng Quang Phi Long	22/05/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
273	20010043	Lê Hương Ly	06/06/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
274	18010016	Lê Phạm Ngọc Mai	04/05/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
275	20010006	Lê Thị Tuyết Mai	21/04/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
276	18010088	Đinh Duy Mạnh	10/09/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
277	20010066	Lê Nguyễn Hà Minh	09/06/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM4	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
278	18030012	Nguyễn Thị Hằng Nga	12/10/2000	Nghệ An	Nữ	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
279	18010075	Nguyễn Thị Thanh Nga	19/09/2000	Huế	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
280	18010067	Huỳnh Nguyễn Hồng Ngân	30/07/2000	Lào	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
281	20010005	Đào Kim Ngân	17/12/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM4	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
282	19010019	Lê Thị Kim Ngân	17/05/2001	Tp Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
283	19010086	Huỳnh Trọng Nghĩa	01/11/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	19THM	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
284	18010083	Võ Bảo Ngọc	02/08/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
285	18010008	Võ Bảo Ngọc	17/06/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
286	19010003	Phan Hồng Ngọc	01/01/2001	Huế	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
287	18010027	Nguyễn Hoàng Tịnh Nguyên	08/11/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
288	18010090	Nguyễn Thị Thanh Nhân	08/07/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
289	19010061	Nguyễn Thị Thanh Nhân	03/04/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
290	19040002	Nguyễn Thị Thanh Nhân	10/10/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19DS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
291	18010037	Trần Vũ Thanh Nhân	30/06/2000	Quảng Trị	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
292	19010056	Tạ Hữu Nhân	26/08/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
293	20010020	Lê Trọng Nhân	13/10/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
294	19010040	Lê Thị Minh Nhất	22/01/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
295	18010032	Nguyễn Thị Hoài Nhi	01/01/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
296	19010058	Nguyễn Hưng Khánh Nhi	27/01/2000	Huế	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
297	18010039	Nguyễn Khánh Nhi	14/06/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
298	18010076	Trần Ngọc Quỳnh Nhi	16/08/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
299	18010085	Phan Thảo Nhi	13/05/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
300	19010020	Ngô Phan Thảo Nhi	04/04/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
301	18010041	Nguyễn Lưu Thục Nhi	23/11/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
302	18010012	Sử Phạm Uyên Nhi	31/10/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
303	18010057	Bùi Phan Uyên Nhi	04/01/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
304	17010062	Trần Nguyễn Uyên Nhi	05/12/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	17IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
305	18010026	Phùng Thị Yến Nhi	28/01/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
306	19010021	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	03/01/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
307	20010108	Phan Thị Cẩm Nhung	29/01/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM4	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
308	19010009	Lê Nguyễn Quỳnh Như	26/07/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
309	20030005	Nguyễn Gia Phúc	24/09/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	20BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
310	20010070	Lê Thành Phước	03/01/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
311	19010013	Lê Hoàng Phương	07/07/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
312	19010004	Lê Trần Khánh Phương	05/10/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
313	18010010	Phan Chu Liên Phương	04/11/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
314	181121703125	Trần Thị Nhật Phương	19/11/2000	Huế	Nữ	Kinh	44K03.1	DUE	VNUK	GDQPAN - K2
315	18010040	Nguyễn Thị Thanh Phương	04/02/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
316	18010009	Nguyễn Lê Vân Phương	11/05/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
317	18010013	Lê Thị Kim Phương	10/03/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
318	18030001	Bạch Văn Hoàng Quân	19/06/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
319	18010061	Lê Trung Quốc	01/01/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
320	19010007	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	16/09/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
321	20010121	Nguyễn Thị Như Quỳnh	26/09/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
322	18010052	Phan Thị Như Quỳnh	13/02/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
323	20010055	Đinh Thúy Quỳnh	11/11/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
324	19010088	Nguyễn Bùi Trúc Quỳnh	26/04/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
325	18010063	Huỳnh Tấn Tài	08/02/2000	Quảng trị	Nam	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
326	19010069	Từ Anh Tâm	26/10/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
327	18030009	Lê Hạnh Tâm	26/12/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
328	19030002	Lê Hải Tân	15/02/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	19BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
329	18010042	Nguyễn Phan Niên Thảo	06/06/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
330	18010066	Đoàn Thị Phương Thảo	24/08/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
331	19010047	Nguyễn Thị Thanh Thảo	28/03/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
332	19010045	Lương Minh Thắng	03/05/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
333	18030015	Trần Ngọc Cẩm Thi	27/10/1996	Minh	Nữ	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
334	19030004	Lê Ngọc Uyên Thi	02/08/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
335	18030016	Trần Hữu Thiện	22/09/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
336	19030003	Lê Ngọc Phú Thiện	06/11/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	19BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
337	18010007	Hứa Công Thọ	12/04/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
338	18010082	Trần Thị Thu Thuý	07/12/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
339	19010006	Trương Bùi Thu Thuý	01/10/2001	Huế	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
340	20010104	Phan Quỳnh Khánh Thuyên	06/12/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
341	19030010	Ngô Dương Anh Thư	07/10/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
342	19030001	Nguyễn Đồng Anh Thư	17/03/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
343	20010052	Nguyễn Hoàng Anh Thư	02/10/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM4	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
344	19010017	Lê Anh Thư	12/02/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19THM	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
345	17030008	Thư	17/10/1994	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	17BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
346	18010044	Lương Thảo Anh Thư	03/08/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
347	19010057	Trần Thị Anh Thư	30/10/2001	Huế	Nữ	Kinh	19THM	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
348	19010094	Nguyễn Võ Ngọc Thư	05/10/2001	Quảng Bình	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
349	18010004	Đặng Phan Toàn	25/08/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
350	18010062	Dương Nguyễn Kiều Trang	08/01/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
351	161121601438	Nguyễn Thị Thùy Trang	18/02/1998	TT-Huế	Nữ	Kinh	LC	DUE	VNUK	GDQPAN - K2
352	18010017	Đoàn Nguyễn Bảo Trâm	01/08/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
353	18010005	Phan Thị Bảo Trâm	10/09/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
354	20050037	Nguyễn Thị Bích Trâm	15/08/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20THM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
355	18010018	Huỳnh Thị Minh Trâm	18/09/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
356	18030008	Ngô Thị Thuý Trâm	13/03/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
357	18010014	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	01/07/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
358	20050027	Trương Thùy Bảo Trân	29/08/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20THM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
359	18010002	Võ Hoàng Khánh Trân	08/08/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
360	19010018	Lê Huỳnh Linh Trân	31/07/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
361	18010034	Nguyễn Phan Nam Trân	09/07/2000	Huế	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
362	19010010	Lê Ngọc Phương Trinh	28/03/2001	Nghệ An	Nữ	Kinh	19THM	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
363	18010038	Trần Thị Thuỳ Trinh	05/09/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
364	19010059	Nguyễn Ngọc Trúc	10/03/2001	Quy Nhơn	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
365	18030005	Nguyễn Ánh Tuyết	10/10/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
366	20010004	Kỳ Đỗ Hồng Uyên	25/05/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM4	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
367	20010018	Nguyễn Đào Minh Uyên	04/10/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
368	20010029	Đặng Nguyễn Phương Uyên	22/09/2000	Minh	Nữ	Kinh	19IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
369	20050002	Lê Tịnh Văn	15/02/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20THM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
370	20030009	Lê Triều Vĩ	07/03/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	20BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
371	18030007	Nguyễn Thị Kiều Vy	15/04/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
372	18010051	Nguyễn Thị Thuý Vy	28/02/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	18IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
373	20010078	Nguyễn Thị Tường Vy	06/10/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
374	20030001	Ngô Huỳnh Thiên Ý	31/12/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20BMS	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
375	18010074	Ngô Hoàng Yến	14/07/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM3	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
376	211121006201	Phan Thị Hoài An	17/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
377	211121006301	Doãn Thị Mai An	22/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
378	211123031201	Lê Minh An	10/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
379	211121018203	Nguyễn Nam An	30/12/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
380	211121006401	Lê Thị An	21/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
381	211121018202	Trần Thị Thuý An	28/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
382	211121018302	Trương Thị Thúy An	14/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
383	211121018201	Lê Văn An	20/01/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
384	211121006303	Hoàng Thị Hoàng Anh	11/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
385	201121018103	Hồ Nguyễn Hồng Anh	26/01/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	46K18.1	DUE	K4B	GDQPAN - K4
386	211123031301	Hà Thị Kim Anh	19/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
387	211121006101	Trần Ngọc Lan Anh	24/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
388	211123031202	Lê Thị Lan Anh	10/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
389	211121006204	Nguyễn Thị Lan Anh	10/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
390	211121006503	Phạm Trương Lan Anh	16/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
391	211121018305	Nguyễn Thị Minh Anh	21/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
392	211121018102	Võ Minh Anh	20/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
393	211121006302	Trần Ngọc Anh	09/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
394	211121006103	Chu Thị Phương Anh	02/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
395	211121006304	Đoàn Thị Quý Anh	09/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
396	211121006102	Võ Ngọc Quỳnh Anh	03/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
397	211121018204	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	05/11/2002	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
398	211121006202	Lê Vũ Quỳnh Anh	22/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
399	211121006502	Hoàng Như Thục Anh	09/12/2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
400	211121006403	Nguyễn Phạm Trâm Anh	06/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
401	211121018304	Trịnh Trâm Anh	03/02/2002	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
402	211123012101	Đỗ Thị Trung Anh	08/09/2003	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
403	211121018205	Nguyễn Tuấn Anh	15/07/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
404	211121006402	Nguyễn Hồ Văn Anh	26/08/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
405	211121006203	Lương Thị Việt Anh	24/07/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
406	211123012103	Ngô Minh Ánh	08/08/2003	Bình Dương	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
407	211123031302	Phạm Thị Minh Ánh	21/12/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
408	211123012102	Ngô Mai Ngọc Ánh	07/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
409	211121018207	Lưu Thị Ngọc Ánh	20/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
410	211123031101	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
411	211123012104	Phan Thị Ngọc Ánh	08/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
412	211121006404	Hoàng Thị Ánh	08/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
413	211121018303	Đinh Mai Hoài Ân	17/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
414	211121006501	Nguyễn Trần Hoài Ân	05/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
415	211121018101	Hoàng Hữu Thiên Ân	29/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
416	211121018306	Nguyễn Trung Bảo	04/06/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
417	211123028101	Nguyễn Thị Bích	14/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
418	211123031102	Đặng Thị An Bình	01/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
419	211123028102	Bùi Thị Nguyên Bình	24/06/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
420	211123012105	Trần Như Bình	02/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
421	211121006205	Đoàn Thị Bình	13/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
422	211123012106	Trương Thị Bình	23/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
423	211123012107	Nguyễn Thị Sơn Ca	02/09/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
424	211123031203	Cao Thị Thu Cẩm	01/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
425	211123031104	Trịnh Hà Châu	04/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
426	211123031105	Huỳnh Minh Châu	08/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
427	211123012108	Dương Thị Minh Châu	07/08/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
428	211121018103	Hoàng Trần Minh Châu	22/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
429	211121006305	Phan Ngọc Châu	01/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
430	211121018307	Nguyễn Thị Ngọc Châu	25/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
431	211121006505	Võ Ngọc Châu	28/02/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
432	211121006405	Nguyễn Phương Châu	09/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
433	211123031103	Trần Thị Trân Châu	06/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
434	211123031303	Trần Thị Khánh Chi	04/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
435	211121006406	Nguyễn Thị Kim Chi	12/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
436	211121006206	Trần Thị Kim Chi	14/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
437	211121018209	Vũ Phương Chi	10/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
438	211121006506	Trần Hoàng Yên Chi	10/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
439	211121006306	Mai Yên Chi	27/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
440	211121006207	Hoàng Thị Kim Cúc	25/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
441	211121006307	Trần Thị Kim Cương	19/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
442	211123012110	Lê Thị Mỹ Diễm	11/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
443	211121018308	Nguyễn Thị Kiều Diễm	25/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
444	211123012109	Lê Thị Phương Diễm	05/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
445	211121006308	Quách Thị Phương Diễm	05/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
446	211121006408	Nguyễn Thị Thanh Diễm	10/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
447	211121006208	Lê Thị Diễm	31/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
448	211123031204	Nguyễn Thị Thanh Diệp	22/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
449	211123028103	Trần Thị Thảo Diệp	28/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
450	211123031304	Phan Thị Ngọc Diệu	20/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
451	211121006508	Nguyễn Thị Diệu	08/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
452	211121018309	Huỳnh Phạm Thị Ái Dung	11/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
453	211123028201	Phạm Hoàng Dung	10/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
454	211121006209	Đặng Hồng Dung	11/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
455	211121006509	Nguyễn Thị Dung	09/01/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
456	211121006309	Lê Hồng Thùy Dung	12/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
457	211121006105	Trương Hoàng Duy	28/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
458	211121018105	Phạm Khương Duy	10/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
459	211123012113	Nguyễn Vũ Duy	27/08/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
460	211121006410	Huỳnh Bảo Duyên	26/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
461	211121006510	Hoàng Thị Hồng Duyên	24/04/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
462	211121006211	Trần Lê Mỹ Duyên	22/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
463	211121006106	Dương Thị Mỹ Duyên	25/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
464	211123031107	Đặng Thị Mỹ Duyên	01/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
465	211123028105	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	05/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
466	211123012114	Phan Thị Mỹ Duyên	16/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
467	211121006311	Trương Thị Mỹ Duyên	25/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
468	211121018106	Võ Thị Mỹ Duyên	20/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
469	211123028106	Lữ Hoàng Quý Duyên	18/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
470	211123028203	Nguyễn Thị Duyên	24/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
471	211121018311	Võ Thị Thuỳ Duyên	04/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
472	211123031308	Trần Thùy Duyên	22/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
473	211123031307	Nguyễn Thị Bích Dương	20/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
474	211123031207	Hoàng Cao Dương	02/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
475	211123012112	Đoàn Quang Dương	11/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
476	211121018211	Đặng Song Dương	16/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
477	211123031208	Lê Thuỳ Dương	23/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
478	211121006210	Võ Ngọc Thùy Dương	03/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
479	211121006310	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
480	211123028104	Nguyễn Thị Thùy Dương	19/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
481	211121018212	Trần Thị Thuỳ Dương	20/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
482	211121018310	Nguyễn Lê Tùng Dương	22/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
483	211121006407	Trần Thị Đào	16/05/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
484	211123031106	Huỳnh Như Tấn Đạt	12/07/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
485	211121006507	Đoàn Thái Đạt	19/06/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
486	211123031305	Đặng Nguyễn Khánh Đoan	25/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
487	211121018210	Đặng Thị Khánh Đoan	23/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
488	211123031205	Trần Thanh Đô	25/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
489	211123031206	Lương Sơn Đông	23/06/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
490	211123031306	Hoàng Trung Đức	05/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
491	211121018213	Trần Nguyễn Châu Giang	24/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
492	211121006107	Bùi Thị Hà Giang	14/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
493	211121006312	Phạm Thị Hiền Giang	03/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
494	211121018312	Trần Thị Hồng Giang	16/11/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
495	211123031310	Đào Thị Hương Giang	13/07/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
496	211121018214	Nguyễn Thị Hương Giang	28/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
497	211121006411	Nguyễn Thị Hương Giang	26/12/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
498	211121006212	Trần Thị Hương Giang	15/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
499	211121006512	Trần Thị Hương Giang	14/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
500	211121006511	Trịnh Thị Hương Giang	30/01/2003	Khánh Hoà	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
501	211121006412	Trần Thị Lam Giang	19/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
502	211123031309	Trương Linh Giang	03/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
503	211123031210	Kiều Thị Thu Giang	21/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
504	211121018107	Nguyễn Thị Thu Giang	16/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
505	211123031211	Hồ Thị Thùy Giang	05/01/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
506	211123031209	Nguyễn Thị Thùy Giang	15/04/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
507	211123012115	Nguyễn Quỳnh Giao	20/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
508	211121006213	Lê Khánh Hà	09/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
509	211123028204	Nguyễn Thị Ngân Hà	19/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
510	211121018215	Lê Thị Ngọc Hà	18/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
511	211121018313	Kiều Nhật Hà	20/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
512	211121006313	Nguyễn Thị Thu Hà	19/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
513	211123028205	Nguyễn Thị Thu Hà	30/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
514	211121018108	Trần Văn Hà	14/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
515	211123031109	Nguyễn Thị Việt Hà	23/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
516	211121006413	Nguyễn Thị Ngọc Hạ	06/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
517	211121018314	Hoàng Ngọc Hải	29/09/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
518	211123031311	Phạm Quang Hải	29/10/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
519	211123031212	Trần Quốc Hải	06/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
520	211123031213	Nguyễn Thị Thanh Hải	25/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
521	211121006514	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	22/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
522	211121018109	Võ Nguyên Hạnh	06/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
523	211121018315	Lê Nguyễn Nhật Hào	14/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
524	211123028206	Lê Thị Minh Hằng	14/04/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
525	211121006108	Lê Thị Thanh Hằng	03/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
526	211121006314	Võ Thị Thanh Hằng	05/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
527	211123031110	Nguyễn Thị Thu Hằng	02/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
528	211121006214	Nguyễn Phúc Bảo Hân	10/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
529	211123012116	Bùi Thị Ngọc Hân	28/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
530	211121006513	Đặng Thị Ngọc Hân	16/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
531	211123031313	Mai Thị Ngọc Hân	13/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
532	211121018317	Lê Bảo Hiền	23/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
533	211123031314	Nguyễn Thị Diệu Hiền	20/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
534	211123031214	Ngô Thị Minh Hiền	01/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
535	211123012117	Phan Thị Mỹ Hiền	04/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
536	211121006515	Phan Thanh Hiền	20/06/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
537	211121006415	Phan Thị Thanh Hiền	15/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
538	211121006316	Phan Thị Thanh Hiền	12/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
539	211121006216	Nguyễn Thị Hiền	17/05/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
540	211123031111	Hoàng Thu Hiền	11/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
541	211121018218	Hoàng Thị Thu Hiền	01/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
542	211121018217	Hoàng Thị Thu Hiền	24/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
543	211121006315	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
544	211121018316	Võ Thu Hiền	03/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
545	211121006215	Võ Thị Thúy Hiền	28/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
546	211123012118	Huỳnh Bá Hiếu	11/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
547	211121018318	Thái Thị Hồng Hiếu	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
548	211121018219	Mạc Như Hiếu	29/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
549	211121006416	Nguyễn Thị Hiếu	24/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
550	211123012119	Hồ Thị Mỹ Hoa	07/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
551	211121006217	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	15/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
552	211121006516	Dương Thị Như Hoa	05/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
553	211121006317	Phạm Quỳnh Hoa	16/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
554	211121006110	Nguyễn Thị Thảo Hòa	17/05/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
555	211121006517	Dương Thị Hòa	02/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
556	211121006417	Nguyễn Thị Hoà	23/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
557	211123031315	Lê Văn Hòa	09/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
558	211123031216	Trần Hữu Hoài	10/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
559	211121018220	Lê Phương Hoài	22/02/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
560	211121006218	Phan Thị Thương Hoài	23/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
561	211121006318	Nguyễn Hữu Kim Hoàn	04/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
562	211121006418	Phạm Lê Gia Hoàng	14/06/2003	Huế	Nam	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
563	211123012120	Nguyễn Minh Hoàng	26/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
564	211121018319	Trương Việt Hoàng	04/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
565	211123028110	Dương Thị Ánh Hồng	20/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
566	211121006114	Nguyễn Huỳnh Hồng	16/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
567	211121006518	Lê Khánh Hồng	19/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
568	211121018111	Lê Nguyễn Khánh Hồng	15/12/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
569	211123012121	Nguyễn Thị Mậu Hồng	16/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
570	211121006219	Hoàng Thị Hồng	14/09/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
571	211121006112	Huỳnh Thị Hồng	03/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
572	211121018110	Lương Thị Hồng	30/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
573	211121006113	Nguyễn Thị Hồng	24/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
574	211123028111	Mai Thị Thu Hồng	06/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
575	211121006319	Đỗ Thị Thúy Hồng	06/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
576	211123028112	Nguyễn Huy Hùng	15/03/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
577	211121018320	Nguyễn Gia Huy	06/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
578	211121018114	Trần Quốc Huy	06/01/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
579	211121006520	Nguyễn Thị Cẩm Huyền	04/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
580	211121018222	Nguyễn Thị Diệu Huyền	09/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
581	211123031113	Nguyễn Khánh Huyền	17/11/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
582	211123028212	Hoàng Thị Khánh Huyền	26/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
583	211123031218	Phan Thị Khánh Huyền	23/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
584	211123028211	Phạm Thị Kim Huyền	03/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
585	211121006420	Lê Nguyễn Ngọc Huyền	14/01/2003	Mình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
586	211121006320	Phan Thị Thanh Huyền	01/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
587	211123028213	Nguyễn Thị Huyền	14/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
588	211123031112	Bùi Thị Xuân Huyền	04/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
589	211121018113	Nguyễn Bảo Hưng	26/08/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
590	211121018112	Nguyễn Duy Hưng	08/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
591	211121006519	Phạm Thị Lan Hương	17/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
592	211121006419	Trương Thị Mai Hương	07/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
593	211123031217	Nguyễn Thị Minh Hương	22/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
594	211121006220	Võ Thị Mỹ Hương	21/02/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
595	211123028208	Võ Nguyễn Quỳnh Hương	29/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
596	211123031317	Nguyễn Thanh Hương	28/03/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
597	211121018221	Nguyễn Thị Hương	30/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
598	211123028209	Hồ Xuân Hương	26/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
599	211123028210	Võ Thị Như Hoàng	30/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
600	211121018321	Ngô Trần Đăng Kha	27/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
601	211121018115	Phan Quang Khải	04/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
602	211123031318	Nguyễn Mai Khanh	13/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
603	211121006321	Nguyễn Tín Anh Khoa	29/06/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
604	211123028113	Phạm Duy Khoa	12/07/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
605	211123031114	Lại Đăng Khoa	09/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
606	211121006115	Lê Trung Kiên	11/10/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
607	211121006421	Nguyễn Châu Kiều	19/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
608	211121018223	Đặng Thị Phương Kiều	02/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
609	211123031220	Lê Quang Kỳ	06/09/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
610	211123028114	Lê Quế Lam	04/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
611	211121006521	Phạm Thị Thanh Lam	10/04/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
612	211121018322	Phan Thị Thanh Lam	20/09/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
613	211123012122	Nguyễn Mai Lan	08/04/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
614	211121018224	Nguyễn Thị Ngọc Lan	05/11/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
615	211121018323	Nguyễn Thị Lan	18/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
616	211121006222	Nguyễn Thị Lan	27/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
617	211123031115	Trần Lê Bửu Lập	19/05/2003	Huế	Nam	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
618	211123028214	Nguyễn Hạnh Lê	17/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
619	211121006116	Nguyễn Thị Nhật Lê	10/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
620	211123012123	Bạch Mỹ Lệ	15/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
621	211121018225	Bùi Thị Mỹ Liên	29/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
622	211121006422	Phạm Thị Phương Liên	07/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
623	211121006322	Huỳnh Thị Liên	26/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
624	211121006522	Phan Thị Thu Liên	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
625	211121006323	Triệu Thị Ánh Linh	01/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
626	211121018324	Hoàng Thị Diệu Linh	06/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
627	211121006225	Lê Thị Diệu Linh	10/06/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
628	211123012126	Nguyễn Thị Hoài Linh	15/02/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
629	211121006117	Cao Hoàng Linh	05/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
630	211123028217	Lê Nguyễn Hoàng Linh	30/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
631	211121006523	Nguyễn Thị Khánh Linh	21/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
632	211121006325	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
633	211123028219	Nguyễn Trần Khánh Linh	03/08/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
634	211121006223	Nguyễn Lê Linh	14/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
635	211123031221	Nguyễn Mai Linh	22/01/2003	Hà Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
636	211121006425	Đinh Thị Mai Linh	14/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
637	211121006524	Phan Thị Mỹ Linh	03/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
638	211123031116	Võ Thị Mỹ Linh	01/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
639	211121006423	Hà Thị Ngọc Linh	01/10/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
640	211121006119	Trần Thị Ngọc Linh	02/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
641	211121006224	Đinh Nhật Linh	25/04/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
642	211123031320	Võ Như Nhật Linh	18/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
643	211121006118	Trần Phương Linh	30/09/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
644	211121018226	Nguyễn Thị Linh	30/12/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
645	211121006424	Nguyễn Thị Linh	11/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
646	211123028216	Đặng Thị Thúy Linh	03/02/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
647	211123012124	Nguyễn Lê Thùy Linh	12/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
648	211123012125	Đinh Phan Thùy Linh	04/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
649	211123028116	Đặng Thị Thùy Linh	26/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
650	211123028215	Phạm Thị Thùy Linh	31/05/2003	Bình Dương	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
651	211123031321	Trần Thị Thùy Linh	10/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
652	211121006324	Nguyễn Thị Trúc Linh	03/08/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
653	211123031222	Phan Thị Linh	02/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
654	211123012127	Trịnh Viết Linh	02/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
655	211121006525	Ngô Thị Bích Loan	17/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
656	211121006326	Quách Thị Bích Loan	05/08/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
657	211121006226	Trần Thị Mai Loan	23/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
658	211123031322	Nguyễn Thị Ngọc Loan	03/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
659	211123031223	Phạm Thị Loan	12/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
660	211121006227	Hồ Nguyễn Thành Long	01/01/2003	Huế	Nam	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
661	211121006426	Nguyễn Thị Ánh Lộc	30/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
662	211121018325	Trần Thị Duy Lộc	04/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
663	211121006526	Nguyễn Hữu Lộc	02/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
664	211123031323	Nguyễn Tấn Lợi	24/06/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
665	211123028117	Phạm Lưu Luyến	13/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
666	211123031117	Nguyễn Thị Ngọc Luyến	06/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
667	211121006327	Trần Thị Lương	31/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
668	211123012128	Lê Thị Kim Lưu	24/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
669	211121006527	Lê Thị Kiều Ly	13/01/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
670	211121006328	Trần Thị Phương Ly	28/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
671	211123031118	Nguyễn Thảo Ly	06/05/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
672	211121006228	Lê Thị Thảo Ly	26/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
673	211123031224	Nguyễn Thị Trúc Ly	08/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
674	211121006120	Từ Thị Hải Lý	01/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
675	211123028118	Trần Nữ Như Mai	30/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
676	211121018227	Nguyễn Thị Phương Mai	24/07/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
677	211121006229	Từ Thị Thanh Mai	25/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
678	211121006429	Lê Thị Mai	17/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
679	211121018326	Trần Đăng Đức Mạnh	12/04/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
680	211121018228	Đoàn Thị Hà Mi	25/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
681	211121006529	Lê Thị Hoài Minh	17/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
682	211123012129	Phan Ngọc Hồng Minh	17/11/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
683	211121006230	Đoàn Nguyễn Hồng Minh	15/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
684	211123028221	Lưu Ngọc Minh	01/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
685	211121018327	Hoàng Nguyễn Nguyệt Minh	10/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
686	211123012130	Huỳnh Trần Nhật Minh	29/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
687	211121018328	Mai Thị Diễm My	07/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
688	211123028119	Nguyễn Thị Hà My	16/09/2003	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
689	211121018118	Ngô Thị Hồng My	06/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
690	211123028222	Nguyễn Lê Thảo My	21/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
691	211121018117	Lê Tiểu My	15/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
692	211123031120	Đặng Trà My	19/01/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
693	211123012132	Tạ Ngọc Trà My	08/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
694	211123012133	Trần Nguyễn Trà My	17/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
695	211121006330	Nguyễn Thị Trà My	28/01/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
696	211121006430	Nguyễn Thị Trà My	10/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
697	211123012131	Nguyễn Thị Trà My	13/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
698	211121018116	Nguyễn Triệu My	03/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
699	211123028120	Phạm Trúc My	01/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
700	211123031324	Hoàng Nguyễn Tố Mỹ	21/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
701	211121006530	Trần Thị Xuân Mỹ	13/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
702	211121006231	Thái Hằng Na	17/12/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
703	211121006331	Trần Thị Ly Na	07/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
704	211121006121	Hà Thị Na	14/09/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
705	211121006431	Nguyễn Thị Na	22/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
706	211121018329	Nguyễn Anh Nga	06/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
707	211121018121	Trương Thị Phi Nga	19/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
708	211121006232	Nguyễn Thị Phương Nga	13/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
709	211121018120	Nguyễn Quỳnh Nga	27/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
710	211123031121	Nguyễn Thị Thanh Nga	07/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
711	211123031225	Phạm Thị Thanh Nga	12/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
712	211121006531	Phạm Thị Thuý Nga	01/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
713	211123031325	Nguyễn Xuân Ngà	24/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
714	211121006432	Lê Thị Bảo Ngân	02/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
715	211121006532	Lê Hoài Ngân	17/01/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
716	211121006332	Võ Thị Hồng Ngân	06/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
717	211121006333	Nguyễn Thị Kim Ngân	09/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
718	211121006122	Tổng Thị Kim Ngân	10/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
719	211123012134	Phạm Thanh Ngân	12/09/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
720	211123028122	Phạm Thị Thanh Ngân	13/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
721	211123031226	Trần Thanh Ngân	31/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
722	211123028123	Tô Thảo Ngân	26/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
723	211121006233	Bùi Thị Ngân	19/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
724	211123012135	Phan Thị Xuân Ngân	03/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
725	211123031122	Nguyễn Bảo Ngọc	01/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
726	211121018330	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	04/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
727	211121018123	Nguyễn Trịnh Bảo Ngọc	11/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
728	211121018231	Trương Thị Bích Ngọc	10/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
729	211121006123	Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	21/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
730	211121006433	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	19/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
731	211121018122	Trần Thị Hồng Ngọc	06/09/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
732	211121006533	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	10/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
733	211121006234	Lương Tiểu Ngọc	15/08/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
734	211121018125	Lê Anh Nguyên	06/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
735	211121018331	Nguyễn Đào Bảo Nguyên	28/06/2003	Bình Định	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
736	211121006334	Phạm Công Nguyên	18/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
737	211121018232	Huỳnh Thị Kim Nguyên	24/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
738	211121006124	Hoàng Sinh Nguyên Nguyên	06/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
739	211121018124	Đặng Thảo Nguyên	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
740	211123028224	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên	15/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
741	211123031326	Hồ Lê Thảo Nguyên	01/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
742	211123012136	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	19/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
743	211123012137	Huỳnh Mai Ánh Nguyệt	08/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
744	211123031227	Đoàn Thị Nguyệt	10/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
745	211123031327	Văn Thị Thanh Nhân	06/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
746	211123012138	Nguyễn Thị Thanh Nhân	08/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
747	211123028225	Phan Thị Thanh Nhân	14/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
748	211121018126	Trương Thị Ánh Nhân	31/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
749	211123031123	Dương Đình Nhân	15/07/2003	Huế	Nam	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
750	211121006434	Nguyễn Thị Hoài Nhân	20/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
751	211121018233	Trương Thu Nhân	12/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
752	211121006534	Trần Quang Nhật	22/01/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
753	211121018332	Trần Việt Nhật	14/02/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
754	211121006535	Nguyễn Bảo Nhi	26/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
755	211123031125	Lê Ngọc Đan Nhi	15/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
756	211123031126	Phạm Hiền Nhi	23/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
757	211123012139	Hồ Thị Hoài Nhi	26/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
758	211121006236	Đỗ Thị Lan Nhi	12/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
759	211121006435	Trần Ngọc Nhi	13/11/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
760	211121006235	Vũ Thị Phương Nhi	17/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
761	211121018234	Võ Thị Quỳnh Nhi	20/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
762	211121006335	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	01/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
763	211121018333	Nguyễn Thanh Nhi	08/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
764	211123028226	Trần Thị Thảo Nhi	17/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
765	211121006130	Nguyễn Ngọc Tú Nhi	06/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
766	211123028127	Lê Nguyễn Tuyết Nhi	02/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
767	211123031328	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	06/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
768	211121018128	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	14/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
769	211123031124	Hoàng Uyên Nhi	20/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
770	211121018127	Lê Phương Uyên Nhi	18/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
771	211121006125	Phạm Nguyễn Xuân Nhi	16/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
772	211121006129	Nguyễn Hồ Yến Nhi	13/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
773	211121006127	Hồ Thị Yến Nhi	17/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
774	211123031228	Nguyễn Thị Yến Nhi	29/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
775	211121018235	Trần Thị Yến Nhi	13/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
776	211121006128	Trần Thị Yến Nhi	03/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
777	211123031229	Lê Đình Phương Nhu	01/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
778	211123031330	Trương Thị Anh Nhung	02/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
779	211121018334	Phạm Thị Kim Nhung	10/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
780	211121018129	Trần Thị Tuyết Nhung	09/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
781	211123031127	Ngô Minh Như	04/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
782	211121006131	Phan Ngọc Mỹ Như	17/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
783	211123031329	Lê Thị Quỳnh Như	02/02/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
784	211121006336	Nguyễn Thị Quỳnh Như	21/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
785	211123012140	Trương Quỳnh Như	15/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
786	211123012141	Đặng Thị Yến Ny	27/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
787	211121006133	Lê Thị Hoàng Oanh	18/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
788	211121018130	Phạm Thị Hoàng Oanh	07/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
789	211123031231	Nguyễn Thị Hồng Oanh	01/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
790	211121006132	Lê Thị Kiều Oanh	29/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
791	211121006237	Nguyễn Thị Kim Oanh	02/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
792	211121006536	Trần Thị Thúy Oanh	14/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
793	211123031331	Tạ Thị Kim Phần	13/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
794	211123028229	Nguyễn Thị Bảo Phìn	04/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
795	211121018131	Trần Văn Phong	21/09/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
796	211121006337	Trần Thị Ngọc Phú	20/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
797	211123031332	Huỳnh Văn Phú	27/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
798	211123031129	Mai Nguyễn Công Phúc	21/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
799	211123031233	Nguyễn Thị Diễm Phúc	25/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
800	211121018335	Hồ Ngô Việt Phúc	25/05/2003	Đồng Nai	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
801	211123031333	Nguyễn Trọng Phụng	11/05/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
802	211123012142	Thân Nguyễn Trọng Phước	26/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
803	211123031235	Trà Anh Phương	07/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
804	211123031234	Nguyễn Duy Hoàng Phương	14/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
805	211121006338	Phạm Thị Mai Phương	02/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
806	211123031130	Võ Hoàng Minh Phương	29/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
807	211121006537	Nguyễn Minh Phương	22/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
808	211123028129	Trịnh Thị Minh Phương	22/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
809	211123031236	Nguyễn Trần Như Phương	13/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
810	211121006437	Dũ Thị Phương	12/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
811	211121006438	Nguyễn Thị Phương	27/07/2003	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
812	211121018336	Lương Thị Thu Phương	06/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
813	211123031334	Bùi Thị Trúc Phương	14/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
814	211121006134	Huỳnh Thị Như Phương	15/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
815	211123031336	Hoàng Thị Thanh Phương	06/07/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
816	211123031131	Nguyễn Thị Phương	05/09/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
817	211123028130	Nguyễn Thị Thúy Phương	26/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
818	211121006538	Lê Đức Anh Quân	17/02/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
819	211123031237	Nguyễn Ngọc Quân	05/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
820	17IT092	Phạm Đình Quý	17/10/1992	TP. Đà Nẵng	Nam	Kinh	17IT2	VKU	K4A	GDQPAN - K4
821	211123028131	Võ Thị Hoàng Quý	08/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
822	211121006239	Hồ Thị Kim Quý	08/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
823	211123031132	Võ Thị Hoàng Quyên	26/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
824	211121006135	Nguyễn Lê Mỹ Quyên	10/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
825	211121006439	Đoàn Thị Thảo Quyên	25/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
826	211121018337	Hồ Đoàn Tố Quyên	06/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
827	211121006339	Võ Thị Vân Quyên	27/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
828	211121018132	Bùi Trần Diễm Quỳnh	12/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
829	211121018239	Nguyễn Lan Quỳnh	05/12/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
830	211123028230	Nguyễn Ngọc Quỳnh	12/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
831	211123031133	Lê Cao Như Quỳnh	20/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
832	211123028132	Chế Thị Như Quỳnh	16/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
833	211121006539	Trương Phương Quỳnh	05/05/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
834	211123031337	Nguyễn Thu Quỳnh	26/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
835	211121006340	Đặng Thụy Trúc Quỳnh	21/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
836	211121018338	Lê Nguyễn Xuân Quỳnh	12/11/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
837	211123031238	Ngô Thị Me Ri	15/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
838	211121018240	Nguyễn Thị Ánh Sa	02/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
839	211121018339	Đỗ Phạm My Sa	22/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
840	211123031338	Đoàn Nguyên Sa	25/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
841	211121006540	Trương Thị Hoài Sang	12/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
842	211121018241	Diệp Kim Sang	30/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
843	211123012143	Lê Thị Tú Sinh	14/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
844	211123031239	Trần Đức Anh Sơn	07/04/2002	Huế	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
845	211123031134	Lê Đức Sơn	26/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
846	211121006241	Võ Thị Thùy Sương	09/12/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
847	211123031339	Phạm Thị Tài	19/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
848	211121018242	Huỳnh Đức Tâm	01/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
849	211121018341	Mai Kiều Huyền Tâm	16/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
850	211121018134	Nguyễn Thị Minh Tâm	03/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
851	211121006441	Đinh Thị Mỹ Tâm	12/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
852	211123031240	Lương Thị Mỹ Tâm	06/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
853	211123012144	Phạm Thị Nhật Tâm	28/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
854	211123012145	Nguyễn Thị Thanh Tâm	29/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
855	211121018340	Nguyễn Thiện Tâm	02/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
856	211123031340	Nguyễn Thị Tú Tâm	01/09/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
857	211123028133	Dương Thị Ngọc Thanh	29/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
858	211121018243	Nguyễn Thủy Nhã Thanh	03/06/2003	Mình	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
859	211121018135	Nguyễn Trần Nhật Thanh	04/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
860	211121006342	Nguyễn Thị Thiên Thanh	22/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
861	211121018342	Lê Thành	15/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
862	211123031135	Dương Hoàng Diệp Thảo	27/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
863	211121006244	Nguyễn Diêu Thảo	08/06/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
864	211121018244	Phạm Thị Kim Thảo	06/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
865	211123028237	Nguyễn Lê Mai Thảo	07/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
866	211123028234	Nguyễn Đặng Phương Thảo	13/06/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
867	211123028134	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	21/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
868	211121006444	Phan Ngọc Phương Thảo	02/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
869	211121006243	Nguyễn Phương Thảo	10/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
870	211123028233	Phạm Phương Thảo	22/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
871	211123028236	Đoàn Thị Phương Thảo	26/04/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
872	211123028235	Đoàn Thị Phương Thảo	16/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
873	211121006542	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
874	211121006136	Trần Thị Phương Thảo	17/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
875	211121006442	Trần Vi Phương Thảo	11/08/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
876	211123028137	Bùi Thanh Thảo	18/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
877	211121006344	Hoàng Thị Thanh Thảo	17/11/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
878	211121018136	Lê Thị Thanh Thảo	24/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
879	211121018137	Ngô Thị Thanh Thảo	09/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
880	211123028135	Nguyễn Thị Thanh Thảo	22/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
881	211123012148	Tăng Thị Thanh Thảo	12/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
882	211123012147	Trần Thị Thanh Thảo	29/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
883	211121006443	Trần Thị Thanh Thảo	03/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
884	211121006543	Trần Thanh Thảo	16/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
885	211123028136	Hà Thị Thảo	29/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
886	211121006343	Nguy Thị Thảo	30/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
887	211121018245	Trương Thị Thu Thảo	10/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
888	211123012146	Nguyễn Trọng Thăng	24/05/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
889	211121006242	Lê Duy Thắng	17/11/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
890	211123031241	Ngô Thị Diễm Thi	23/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
891	211121006245	Huỳnh Ngọc Khánh Thi	02/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
892	211123031341	Nguyễn Ngọc Thi	01/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
893	211123031137	Đinh Thị Uyên Thi	25/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
894	211121018138	Tôn Thất Thiện	09/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
895	211121006345	Đoàn Hưng Thịnh	14/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
896	211123031242	Phùng Tấn Hưng Thịnh	18/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
897	211123028238	Phương Thanh Thôi	19/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
898	211123028239	Trần Thị Thu	13/03/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
899	211123012149	Thái Thị Thu	07/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
900	211121006445	Lê Thị Thúy Thu	23/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
901	211121018345	Nguyễn Hữu Thuận	14/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
902	211121006248	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	04/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
903	211121006140	Hoàng Thị Thúy	22/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
904	211123012150	Nguyễn Thị Cẩm Thùy	15/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
905	211123028139	Lê Thị Diễm Thùy	25/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
906	211123031247	Đào Thanh Thủy	26/08/2003	Hải Phòng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
907	211121006348	Văn Thị Thanh Thủy	28/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
908	211123031246	Trương Thị Thủy	16/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
909	211123031346	Hoàng Thị Thu Thủy	20/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
910	211121018140	Hồ Thị Thu Thủy	28/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
911	211121006246	Kiều Anh Thư	30/12/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
912	211123031342	Trần Kiều Anh Thư	04/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
913	211123031243	Nguyễn Anh Thư	14/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
914	211123031344	Châu Thị Anh Thư	01/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
915	211121006346	Nguyễn Thị Anh Thư	04/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
916	211123031139	Phạm Thị Anh Thư	04/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
917	211121006138	Trần Anh Thư	04/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
918	211121018344	Võ Trần Anh Thư	06/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
919	211123031138	Võ Anh Thư	12/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
920	211121006545	Trương Thị Hoài Thư	07/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
921	211123028240	Nguyễn Đắc Linh Thư	24/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
922	211123031343	Nguyễn Hoàng Minh Thư	09/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
923	211123028138	Hồ Minh Thư	15/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
924	211121018139	Lê Huỳnh Minh Thư	07/05/2003	Minh	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
925	211123028242	Nguyễn Minh Thư	13/10/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
926	211123028241	Phạm Thị Minh Thư	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
927	211121018246	Trương Thị Minh Thư	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
928	211123031244	Trần Minh Thư	08/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
929	211121006247	Nguyễn Thị Hà Thương	05/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
930	211121006347	Chế Hoài Thương	21/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
931	211123031245	Lê Hoài Thương	25/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
932	211123028243	Huỳnh Thị Hoài Thương	13/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
933	211121006546	Lê Thị Hoài Thương	10/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
934	211121006139	Lê Thị Hoài Thương	30/11/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
935	211123031345	Trần Thị Hoài Thương	14/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
936	211121006447	Võ Hoài Thương	20/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
937	211121018247	Nguyễn Hồng Thương	02/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
938	211121006547	Cao Nguyễn Minh Thương	16/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
939	211123031140	Bùi Thị Minh Thương	30/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
940	211123031347	Phan Thị Ái Tiên	29/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
941	211121006548	Nguyễn Trần Mỹ Tiên	19/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
942	211123012151	Nguyễn Ngọc Quế Tiên	19/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
943	211121018248	Hồ Mạnh Tiến	02/06/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
944	211123031248	Lê Viết Trọng Tiến	27/09/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
945	211123028245	Nguyễn Trung Tín	21/06/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
946	211123031348	Nguyễn Văn Ngọc Toàn	29/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
947	211121018347	Thái Thị Trà	03/09/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
948	211123031249	Nguyễn Đức Trãi	15/08/2003	Huế	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
949	211123031254	Trương Thị Hòa Trang	30/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
950	211121006350	Trần Thị Huyền Trang	19/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
951	211121018349	Lê Thị Kiều Trang	08/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
952	211121018350	Nguyễn Thị Kiều Trang	25/06/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
953	211121006250	Huỳnh Thị Ngọc Trang	21/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
954	211123031353	Lê Quỳnh Trang	24/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
955	211123028246	Trần Thị Quỳnh Trang	18/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
956	211121006450	Nguyễn Thị Trang	18/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
957	211123028247	Nguyễn Thị Trang	12/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
958	211121006550	Đặng Thị Thùy Trang	30/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
959	211123012155	Đoàn Thị Thùy Trang	20/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
960	211121018251	Lương Thị Thùy Trang	12/01/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
961	211121006251	Nguyễn Lê Việt Trang	06/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
962	211123031352	Lê Thị Bảo Trâm	16/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
963	211123031351	Nguyễn Thị Bích Trâm	24/02/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
964	211123031251	Đào Thị Hồng Trâm	23/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
965	211123031250	Trần Thị Huỳnh Trâm	16/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
966	211123031252	Nguyễn Ngọc Trâm	05/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
967	211123031349	Hoàng Thị Ngọc Trâm	09/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
968	211123028140	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	30/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
969	211123012153	Nông Thị Ngọc Trâm	07/12/2003	Đắk Nông	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
970	211121006349	Đinh Thị Trâm	20/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
971	211123031350	Lê Thùy Trâm	18/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
972	211121006249	Lê Thị Thùy Trâm	07/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
973	211121006449	Huỳnh Bùi Bảo Trâm	15/05/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
974	211123012154	Nguyễn Thị Bảo Trâm	29/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
975	211121006549	Đinh Nguyễn Huyền Trân	20/11/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
976	211121006142	Hoàng Khải Trân	19/07/2003	Mình	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
977	211121006141	Nguyễn Đoàn Mai Trân	19/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
978	211123028141	Đinh Thị Mỹ Trân	07/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
979	211121006143	Trần Thị Ngọc Trân	10/09/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
980	211123031253	Nguyễn Thanh Nhã Trân	01/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
981	211121018252	Nguyễn Thị Triều	30/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
982	181123012343	Nguyễn Văn Triều	05/03/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	44K28	DUE	K4B	GDQPAN - K4
983	211123028248	Nguyễn Hoài Bảo Trinh	30/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
984	211121006252	Lê Thị Đoan Trinh	21/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
985	211121006551	Nguyễn Thị Lệ Trinh	25/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
986	211121006451	Vô Thị Thu Trinh	06/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
987	211123028142	Trần Đỗ Thúy Trinh	31/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
988	211123031255	Đỗ Thị Tú Trinh	26/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
989	211121018351	Nguyễn Như Trọng	30/06/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
990	211123031141	Đồng Thị Anh Trúc	16/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
991	211123031355	Nguyễn Trần Nhã Trúc	05/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
992	211123028143	Đặng Thị Quỳnh Trúc	09/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
993	211121006352	Lê Thanh Trúc	18/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
994	211123012156	Phạm Thị Thanh Trúc	05/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
995	211123028250	Phạm Thị Thanh Trúc	25/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
996	211123012157	Lê Thị Trúc	12/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
997	211121006144	Phan Thị Quỳnh Trung	22/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
998	211121006452	Lê Nhật Trường	18/12/2003	Huế	Nam	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
999	211121006552	Ninh Duy Tú	10/12/2003	Thái Nguyên	Nam	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1000	211121018142	Bùi Minh Tuấn	20/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1001	211121018352	Đỗ Thị Thanh Tuyền	24/09/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1002	211121006253	Lê Nguyễn Ánh Tuyết	20/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1003	211123031256	Huỳnh Gia Uy	28/08/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1004	211123012159	Đặng Huy Hoàng Uyên	01/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1005	211123031142	Dương Hoàng Lan Uyên	23/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1006	211123031356	Trần Thị Lê Uyên	21/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1007	211121018144	Nguyễn Minh Uyên	30/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1008	211121006353	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	02/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1009	211121018145	Bùi Lê Phương Uyên	25/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1010	211121006453	Thái Thị Phương Uyên	08/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1011	211123012158	Võ Phương Uyên	24/02/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1012	191121927113	Lê Thị Quỳnh Uyên	03/03/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	45K27	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1013	211121006254	Nguyễn Thị Uyên	05/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1014	211121018254	Nguyễn Thục Uyên	20/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1015	211121006553	Phan Tố Uyên	29/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1016	211121018143	Huỳnh Lê Tú Uyên	13/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1017	211123031143	Vũ Ngọc Vân	08/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1018	211121006354	Nguyễn Thị Thảo Vân	04/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1019	211121006454	Lê Thị Vân	05/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1020	211121006145	Ngô Thị Vân	06/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1021	211123028251	Phạm Thị Thu Vân	29/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1022	211121018353	Hà Thúy Vân	26/02/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1023	211121006554	Đỗ Thị Thục Vi	04/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1024	211123031257	Dương Thị Viên	15/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1025	211123031357	Lê Đình Vinh	04/02/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1026	211121006255	Nguyễn Anh Vũ	04/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1027	211123031258	Nguyễn Minh Vũ	25/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1028	211121018256	Dương Thị Ánh Vy	18/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1029	211123031259	Lê Thị Ánh Vy	01/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1030	211121006455	Hồ Bảo Vy	20/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1031	211123028145	Nguyễn Bảo Vy	09/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1032	211123012160	Nguyễn Lê Vy	27/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1033	211123031145	Huỳnh Mai Vy	26/07/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1034	211123031359	Nguyễn Mai Vy	24/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1035	211121006555	Lê Thảo Vy	01/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1036	211123031358	Nguyễn Thảo Vy	26/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1037	211121018354	Mai Thị Trúc Vy	17/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1038	211123031144	Đinh Thị Tường Vy	15/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1039	211123028253	Mai Huỳnh Phương Vỹ	30/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1040	211123031260	Phan Thị Thanh Xinh	04/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1041	211121006256	Nguyễn Thị Hoài Xuân	09/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1042	211121006456	Nguyễn Thị Như Ý	12/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1043	211121006356	Đỗ Trần Như Ý	14/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1044	211123028254	Võ Như Ý	17/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1045	211121006257	Trần Thị Kim Yến	10/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1046	211121006556	Võ Thị Yến	03/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.5	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1047	211121006357	Nguyễn Thị Hải Yến	26/07/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1048	211123012161	Trần Huỳnh Phi Yến	11/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1049	18010043	Nguyễn Quỳnh Khanh	12/04/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
1050	20010113	Nguyễn Nhật Quỳnh	11/07/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	20IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
1051	19010028	Thái Minh Thuỳ	18/11/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
1052	18010079	Nguyễn Trần Tuyết Trinh	23/01/2000	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	18IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
1053	19010076	Ngô Phương Uyên	12/08/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	19IBM1	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1054	211121018301	Trần Hoài An	08/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1055	211121018206	Nguyễn Thị Kim Anh	04/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1056	211121018208	Nguyễn Võ Bảo Châu	24/12/2003	Mình	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1057	211121006409	Nguyễn Thị Ngọc Dung	29/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1058	211123031312	Lê Thị Như Hải	07/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1059	211121006414	Lê Thị Hồng Hạnh	16/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1060	211121018216	Lê Nguyễn Thúy Hằng	24/04/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1061	211123028108	Lưu Thị Hậu	01/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1062	211123028207	Nguyễn Thanh Hiền	21/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1063	211123031215	Văn Thị Ngân Hoa	17/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1064	211123028109	Nguyễn Thị Thanh Hoài	29/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1065	211123031316	Lê Kỳ Việt Hoàng	03/12/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1066	211123031319	Lê Ngọc Khuê	21/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1067	211123028218	Nguyễn Thị Ngọc Linh	31/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1068	211123028115	Hồ Phạm Trúc Linh	25/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1069	211121006427	Nguyễn Thị Ánh Ly	04/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1070	211121006428	Trần Kiều Ly	11/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1071	211123028220	Trần Thị Lý	18/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1072	211121006329	Dương Thị Mai	10/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1073	211123031119	Đoàn Thị Xuân Mai	28/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1074	211121018229	Lê Thị Hà My	19/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1075	211123028125	Phan Vũ Thu Ngân	01/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1076	211123028121	Trần Thị Thúy Ngân	06/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1077	211123028126	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	12/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1078	211123028128	Huỳnh Ngọc Nhi	15/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1079	211123028227	Trương Thị Thảo Nhi	13/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1080	211123028228	Đặng Hứa Tường Nhi	04/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1081	211123031230	Hoàng Thị Kim Nhung	27/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1082	211121018236	Bùi Phan Hoàng Oanh	09/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1083	211121006436	Nguyễn Thị Kim Oanh	19/12/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1084	211123031232	Nguyễn Hoàng Ngọc Phú	17/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K31.2	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1085	211121018237	Nguyễn Phúc	19/03/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1086	211123031335	Trần Đình Thị Phương	05/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1087	211121018238	Võ Thị Kim Quy	04/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1088	211121006440	Nguyễn Thị Hải Quỳnh	23/06/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1089	211123028231	Đoàn Thị Tuyết Sương	02/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1090	211123028232	Võ Thị Thanh	09/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1091	211123031136	Trần Thị Phương Thảo	16/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K31.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1092	211121018343	Huỳnh Thị Thu Thảo	20/02/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1093	211121018346	Huỳnh Thị Thanh Thủy	13/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1094	211121006446	Võ Như Thương	24/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1095	211121006448	Trương Thị Mỹ Tiên	04/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K06.4	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1096	211123012152	Huỳnh Thị Thủy Tiên	04/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K12	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1097	211123031354	Đinh Thị Huyền Trang	09/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K31.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1098	211121018348	Trần Mai Trang	18/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K18.3	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1099	211121018249	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	09/02/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1100	211121006351	Phan Thị Tuyết Trinh	25/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1101	211121018253	Trần Thanh Tùng	01/08/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1102	211123028144	Nguyễn Thị Kim Uyên	01/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K28.1	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1103	211121018255	Bùi Thị Kim Vi	12/02/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K18.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1104	211121006355	Võ Thị Hoàng Vy	02/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1105	211123028252	Đường Yến Vy	13/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K28.2	DUE	K4C	GDQPAN - K4
1106	211121601501	Dương Thị Hồng Ái	15/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1107	211121601101	Nguyễn Thị Bình An	03/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1108	211124022201	Nguyễn Hoài An	03/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1109	211124008201	Nguyễn Thị Mỹ An	17/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1110	211124029101	Nguyễn Thành An	30/07/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1111	211124029201	Võ Xuân An	26/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1112	211124029203	Trần Thị Bích Anh	07/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1113	211121601602	Nguyễn Hà Anh	30/10/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1114	211121601302	Tô Thị Hồng Anh	04/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1115	211124008303	Nguyễn Thị Kiều Anh	17/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1116	211124022301	Bùi Thị Lan Anh	28/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1117	211121601102	Nguyễn Hồ Mai Anh	23/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1118	211121601202	Võ Lê Mai Anh	10/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1119	211121601701	Nguyễn Ngọc Minh Anh	06/05/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1120	211121601301	Nguyễn Ngọc Minh Anh	18/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1121	211124022101	Nguyễn Thị Minh Anh	18/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1122	211121601401	Phạm Thị Minh Anh	26/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1123	211124008202	Bùi Ngọc Anh	20/12/2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1124	211121601702	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1125	211124022202	Hồ Bảo Phương Anh	16/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1126	211124008302	Hoàng Thị Phương Anh	27/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1127	211124008301	Hoàng Thị Quỳnh Anh	03/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1128	211124029202	Cao Thái Vân Anh	15/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1129	211121601502	Phạm Thị Vân Anh	10/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1130	211121601601	Hồ Huỳnh Việt Anh	24/10/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1131	211121601402	Nguyễn Lưu Minh Ánh	07/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1132	211124022302	Phạm Thị Ngọc Ánh	21/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1133	211124022203	Phạm Thị Nguyệt Ánh	28/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1134	211121601503	Nguyễn Thị Phương Ánh	23/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1135	211121601201	Ngô Trần Thiên Ân	11/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1136	211124022102	Nguyễn Đình Bách	22/08/2003	Huế	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1137	211121601103	Hồ Bảo Bảo	07/07/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1138	211124029205	Phan Chí Bảo	16/01/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1139	211121601203	Lê Duy Bảo	21/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1140	211121601303	Hoàng Trần Gia Bảo	30/01/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1141	211124029105	Lê Ngọc Bảo	08/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1142	211124022303	Nguyễn Thúy Bân	09/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1143	211124029106	Nguyễn Thị Như Bình	14/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1144	211121601104	Phạm Thanh Bình	23/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1145	211124008204	Huỳnh Thị Cẩm	09/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1146	211121601404	Trần Lê Hoàng Châu	26/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1147	211121601603	Trần Ngọc Minh Châu	15/03/2002	Đồng Nai	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1148	211124022305	Nguyễn Minh Châu	08/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1149	211121601204	Lê Nguyễn Minh Châu	02/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1150	211121601105	Phan Minh Châu	07/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1151	211124022304	Lê Thị Minh Châu	01/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1152	211124008101	Nguyễn Trần Minh Châu	23/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1153	211124022205	Phan Ngọc Quỳnh Châu	14/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1154	211124029206	Bùi Thị Quỳnh Châu	14/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1155	211121601304	Nguyễn Thị Tâm Châu	26/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1156	211124022204	Dương Tiểu Châu	04/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1157	211124029107	Hoàng Thị Kim Chi	25/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1158	211121601405	Trần Thị Kim Chi	02/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1159	211121601305	Lê Hoàng Linh Chi	20/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1160	211124022103	Phan Thị Linh Chi	28/02/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1161	211124008304	Nguyễn Thị Mai Chi	08/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1162	211124008205	Đoàn Lê Ngọc Chi	15/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1163	211121601205	Đặng Quỳnh Chi	25/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1164	211121601703	Lê Đỗ Quỳnh Chi	02/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1165	211124022206	Cao Phạm Thủy Chi	11/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1166	211124022306	Trần Thanh Chúc	09/12/2003	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1167	211121601504	Nguyễn Thị Hải Chuyên	25/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1168	211121601704	Phan Chí Công	10/01/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1169	211124029207	Nguyễn Minh Công	09/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1170	211121601604	Huỳnh Phước Cơ	01/02/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1171	211124022104	Nguyễn Văn Cường	08/03/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1172	211124022308	Lê Thị Hoàng Diễm	02/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1173	211121601705	Văn Thị Kiều Diễm	06/02/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1174	211124029208	Phạm Thị Ngọc Diễm	20/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1175	211124022209	Nguyễn Thúy Diễm	27/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1176	211124022208	Ngô Thị Xuân Diễm	20/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1177	211124008206	Nguyễn Thị Khánh Diệp	03/06/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1178	211124008306	Trương Thị Mỹ Diệu	03/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1179	211124008102	Võ Thị Hạnh Dung	08/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1180	211121601506	Đinh Thị Khánh Dung	16/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1181	211124022210	Nguyễn Thị Kim Dung	22/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1182	211124029209	Lê Thị Mỹ Dung	08/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1183	211121601606	Trần Thị Ngọc Dung	23/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1184	211124008307	Lê Thị Dung	22/01/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1185	211124022309	Võ Thị Dung	01/09/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1186	211121601706	Bùi Thị Thùy Dung	31/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1187	211124022310	Hồ Thị Thùy Dung	22/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1188	211124029109	Ngô Thị Thùy Dung	19/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1189	211124022105	Vũ Tiến Dũng	09/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1190	211124029110	Lưu Khánh Duy	10/03/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1191	211124022311	Hồ Viết Lộc Duy	01/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1192	211124008208	Lương Thị Hải Duyên	10/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1193	211121601607	Nguyễn Thị Khánh Duyên	10/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1194	211121601508	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1195	211121601707	Nguyễn Ngọc Duyên	28/02/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1196	211124022106	Lê Ngô Phương Duyên	02/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1197	211121601307	Phạm Ngọc Ánh Dương	09/10/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1198	211121601507	Phạm Thị Ánh Dương	29/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1199	211121601207	Đỗ Thị Nam Dương	20/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1200	211121601107	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1201	211124022207	Bùi Linh Đan	25/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1202	211121601505	Đoàn Thục Đan	19/08/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1203	211121601605	Huỳnh Công Đạt	09/06/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1204	211121601206	Võ Phước Đạt	14/02/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1205	211124029108	Nguyễn Sỹ Tiến Đạt	16/06/2003	Đồng Nai	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1206	211124022307	Trần Trọng Đạt	21/04/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1207	211121601306	Nguyễn Xuân Đông	18/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1208	211121601406	Lê Minh Đức	02/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1209	211124008207	Phạm Minh Đức	02/08/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1210	211124022211	Trương Minh Được	06/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1211	211124022312	Nguyễn Thị Cẩm Giang	21/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1212	211124008103	Nguyễn Thị Hương Giang	11/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1213	211121601708	Vũ Ngọc Kiều Giang	13/11/2003	Minh	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1214	211124022212	Lê Phước Giang	19/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1215	211124029111	Nguyễn Thị Giang	19/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1216	211121601108	Trần Thị Giang	12/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1217	211124029210	Phan Thùy Giang	29/06/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1218	211121601208	Nguyễn Trúc Giang	15/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1219	211124008308	Nguyễn Tâm Giao	23/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1220	211124008209	Võ Thị Cẩm Hà	09/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1221	211124008104	Nguyễn Ngọc Lương Hà	14/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1222	211121601709	Nguyễn Ngân Hà	02/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1223	211121601610	Nguyễn Thị Ngân Hà	17/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1224	211121601609	Trịnh Thị Thu Hà	09/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1225	211121601510	Trương Thị Thu Hà	26/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1226	211124022213	Trần Văn Hà	14/07/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1227	211121601308	Lưu Thị Khánh Hạ	11/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1228	211124029211	Võ Duy Hải	05/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1229	211124008309	Nguyễn Thị Kim Hải	06/11/2003	Vũng Tàu	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1230	211124022107	Huỳnh Phúc Hải	16/02/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1231	211124008210	Mai Thị Mỹ Hạnh	23/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1232	211121601511	Lê Mỹ Hạnh	20/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1233	211121601209	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	17/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1234	211121601611	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1235	211121601711	Trần Thị Mỹ Hạnh	12/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1236	211124022316	Trương Thị Hạnh	05/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1237	211121601512	Trần Thị Tuyết Hạnh	30/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1238	211124008310	Trần Thị Nguyên Hào	09/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1239	211124022314	Ngô Thị Mỹ Hằng	07/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1240	211124022315	Lê Ngọc Hằng	06/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1241	211121601109	Nguyễn Thị Thanh Hằng	15/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1242	211124022216	Trần Thị Thu Hằng	09/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1243	211124022215	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1244	211124022313	Đặng Bảo Hân	01/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1245	211124029112	Lê Trần Bảo Hân	11/05/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1246	211121601408	Hồ Lê Ngọc Hân	26/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1247	211124022214	Nguyễn Ngọc Phương Hân	06/07/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1248	211121601710	Giang Tiểu Hân	24/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1249	211124008211	Đỗ Thị Thanh Hậu	25/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1250	211124022217	Hoàng Thị Hậu	04/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1251	211121601309	Lê Thị Diệu Hiền	15/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1252	211121601513	Dương Minh Hiền	18/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1253	211121601409	Đoàn Thị Mỹ Hiền	18/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1254	211121601712	Nguyễn Thị Thanh Hiền	24/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1255	211124029212	Trần Thị Thanh Hiền	24/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1256	211124022218	Nguyễn Minh Thảo Hiền	15/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1257	211124022317	Phạm Thị Hiền	08/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1258	211124008311	Trần Thị Hiền	30/06/2002	Huế	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1259	211124022108	Đỗ Thu Hiền	10/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1260	211124008212	Nguyễn Thị Thu Hiền	07/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1261	211121601110	Phan Thị Thu Hiền	04/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1262	211124022318	Đặng Thị Hiệp	20/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1263	211124029113	Bùi Minh Hiếu	05/07/2003	Ninh Bình	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1264	211121601713	Trần Thị Hiếu	09/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1265	211121601613	Lê Văn Hiếu	20/06/2003	Minh	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1266	211124029114	Nguyễn Thị Bích Hoa	05/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1267	211121601514	Huỳnh Thị Hồng Hoa	24/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1268	211124008312	Phạm Thị Mai Hoa	04/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1269	211121601614	Nguyễn Thị Phương Hoa	25/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1270	211124029213	Đinh Thị Thanh Hoa	21/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1271	211121601210	Trương Thị Khánh Hoà	25/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1272	211121601410	Ngô Thị Mỹ Hòa	16/10/2003	Vũng Tàu	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1273	211121601310	Lê Thanh Hòa	07/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1274	211124022219	Võ Thị Hoà	01/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1275	211121601111	Lê Thị Hồng Hoài	01/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1276	211124008313	Phạm Lê Phương Hoài	28/03/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1277	211121601515	Lê Thị Thanh Hoài	25/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1278	211121601714	Hoàng Thị Hoài	31/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1279	211124008213	Phan Thị Hoài	10/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1280	211121601211	Hà Thúc Hoàn	05/06/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1281	211124029214	Võ Lê Duy Hoàng	29/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1282	211124008105	Nguyễn Thị Kim Hoàng	20/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1283	211124008214	Võ Thị Hoàng	02/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1284	211121601615	Lê Văn Hoàng	08/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1285	211124022319	Hồ Thị Hồng	08/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1286	211124029115	Lê Tự Duy Huân	24/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1287	211124029215	Lê Trần Ngọc Huế	29/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1288	211124008314	Dương Thị Thanh Huế	14/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1289	211124008215	Hoàng Thị Huế	11/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1290	211124008106	Lê Thị Huế	24/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1291	211124022220	Võ Thị Thu Huệ	20/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1292	211121601715	Trương Quang Hùng	09/10/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1293	211121601412	Trương Anh Huy	17/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1294	211121601616	Nguyễn Nguyễn Bảo Huy	03/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1295	211124022221	Hoàng Đăng Quang Huy	03/08/2003	Huế	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1296	211124008216	Huỳnh Thị Mai Huyền	27/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1297	211124022111	Nguyễn Thị Khánh Huyền	08/05/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1298	211124008217	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	17/06/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1299	211121601716	Hoàng Thị Thanh Huyền	06/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1300	211124022110	Phạm Thị Thanh Huyền	24/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1301	211124008316	Phan Thị Thanh Huyền	28/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1302	211121601617	Phan Thị Thanh Huyền	16/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1303	211121601517	Trần Thị Thảo Huyền	08/02/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1304	211121601113	Trần Thị Thu Huyền	14/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1305	211124029116	Nguyễn Cảnh Hưng	28/02/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1306	211121601311	Phạm Phú Hưng	17/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1307	211124022320	Nguyễn Phúc Hưng	17/07/2003	Huế	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1308	211121601411	Nguyễn Mai Hương	28/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1309	211124008315	Nguyễn Thị Mai Hương	27/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1310	211124022109	Trịnh Minh Hương	03/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1311	211121601212	Ngô Thị Thanh Hương	16/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1312	211121601112	Nguyễn Thị Thanh Hương	08/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1313	211121601516	Phan Yến Hương	26/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1314	211124029216	Mai Nhật Kha	13/06/2003	Huế	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1315	211121601717	Lê Thái Hoàng Khanh	21/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1316	211121601213	Mai Phương Khanh	27/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1317	211121601413	Phan Thị Đoan Khánh	21/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1318	211124029117	Lê Nguyễn Kim Khánh	02/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1319	211121601114	Nguyễn Văn Khánh	04/03/2003	Huế	Nam	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1320	211121601518	Phạm Sỹ Đăng Khoa	01/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1321	211124022222	Nguyễn Việt Khoa	03/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1322	211121601618	Võ Thục Khuê	03/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1323	211124029217	Trần Anh Kiệt	03/06/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1324	211124022112	Thạch Tuấn Kiệt	11/07/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1325	211124008317	Phan Thị Mỹ Kiều	09/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1326	211121302316	Huỳnh Thị Diệp Kiều	25/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1327	211124022322	Văn Nguyễn Thiên Kim	24/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1328	211121601718	Nguyễn Trường Trung Kỳ	25/10/2003	Bình Định	Nam	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1329	211124008107	Lý Ý Lan	26/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1330	211124022223	Kiều Thị Lành	14/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1331	211121601519	Nguyễn Huỳnh Thanh Lâm	19/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1332	211124022113	Phạm Hoàn Vĩnh Liêm	13/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1333	211124008218	Nguyễn Thị Kim Liên	05/01/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1334	211121601215	Sầm Ái Linh	07/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1335	211124029218	Phan Thị Diệu Linh	01/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1336	211121601414	Trương Gia Linh	18/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1337	211124022115	Nguyễn Thị Giao Linh	25/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1338	211124022114	Lê Nguyễn Hoàng Linh	28/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1339	211124022224	Dương Khánh Linh	26/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1340	211124008318	Đặng Khánh Linh	11/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1341	211121601720	Hoàng Lê Khánh Linh	02/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1342	211121601314	Trần Lê Khánh Linh	07/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1343	211124022116	Nguyễn Khánh Linh	18/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1344	211124008108	Lê Thị Khánh Linh	29/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1345	211124022117	Lê Thị Khánh Linh	07/11/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1346	211121601620	Huỳnh Nguyên Mai Linh	19/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1347	211124022323	Nguyễn Mai Linh	11/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1348	211121601115	Nguyễn Thị Mai Linh	18/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1349	211124022325	Dương Thị Mỹ Linh	18/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1350	211124029119	Lê Thị Mỹ Linh	18/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1351	211121601315	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1352	211124022225	Trần Thị Mỹ Linh	05/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1353	211124008219	Trần Thị Mỹ Linh	29/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1354	211121601520	Huỳnh Đoàn Nhã Linh	15/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1355	211124022226	Hoàng Quỳnh Nhật Linh	26/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1356	211121601619	Lê Thị Phương Linh	15/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1357	211121601719	Nguyễn Thị Phương Linh	05/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1358	211124008319	Trần Thị Phương Linh	11/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1359	211124029118	Huỳnh Thị Thùy Linh	24/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1360	211124008109	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1361	211121601621	Võ Thị Thùy Linh	31/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1362	211121601214	Nguyễn Trúc Linh	14/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1363	211124022324	Trần Trúc Linh	11/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1364	211121601721	Nguyễn Thị Hồng Lĩnh	05/01/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1365	211124022326	Trần Thị Kim Loan	31/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1366	211121601522	Bùi Huỳnh Thúy Loan	23/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1367	211124022118	Trần Thị Tổ Loan	20/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1368	211124022227	Nguyễn Thành Long	09/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1369	211124008220	Phạm Lương Bảo Lộc	10/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1370	211124029219	Lương Thị Lộc	12/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1371	211124029120	Trần Duy Luân	11/06/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1372	211121601622	Vũ Sỹ Luân	06/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1373	211121601415	Trần Thị Kim Luyến	18/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1374	211124029220	Trương Lương	06/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1375	211121601722	Trần Nguyễn Huỳnh Lưu	16/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1376	211121601624	Nguyễn Hoàng Cẩm Ly	13/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1377	211121601524	Nguyễn Thị Cẩm Ly	26/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1378	211124022328	Trương Thị Hiếu Ly	19/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1379	211124022327	Hà Khánh Ly	23/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1380	211121601623	Đoàn Thị Khánh Ly	18/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1381	211121601523	Nguyễn Thị Như Ly	03/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1382	211124008111	Dương Nữ Thảo Ly	03/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1383	211124008320	Nguyễn Thị Thảo Ly	22/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1384	211121601723	Võ Thị Thảo Ly	14/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1385	211124022228	Nguyễn Tiến Thảo Ly	25/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1386	211124022229	Nguyễn Thị Trúc Ly	11/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1387	211124029221	Nguyễn Thị Kim Lý	17/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1388	211121601724	Nguyễn Thị Như Lý	05/01/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1389	211124008112	Nguyễn Thị Thanh Mai	01/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1390	211124022329	Phạm Trần Xuân Mai	02/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1391	211124008221	Cao Huệ Mẫn	09/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1392	211121601116	Ngô Công Minh	03/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1393	211121601216	Lê Đức Minh	17/01/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1394	211121601625	Phạm Đức Minh	18/02/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1395	211121601525	Nguyễn Hải Ngọc Minh	31/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1396	211124022230	Vương Nhật Minh	15/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1397	211121601725	Trương Thuỳ Minh	21/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1398	211121601316	Nguy Phạm Anh My	07/02/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1399	211121601527	Hồ Thị Hà My	20/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1400	211121601726	Ngô Thị Hà My	05/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1401	211124008113	Nguyễn Thị Hà My	29/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1402	211121601626	Trương Hà My	30/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1403	211124022330	Nguyễn Ngọc Hiền My	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1404	211121601627	Trần Ngọc Khánh My	18/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1405	211121601526	Nguyễn Hoàng Kiều My	16/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1406	211121601416	Nguyễn Thị Kiều My	01/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1407	211124008321	Nguyễn Thị Tuyết My	06/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1408	211121601727	Trương Thị My	21/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1409	211121601117	Đàm Thị Lê Na	12/12/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1410	211124022231	Ngô Thị Ly Na	29/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1411	211121601217	Nguyễn Thị Ly Na	17/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1412	211121601417	Nguyễn Thị Ly Na	07/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1413	211121601317	Trần Thị Ly Na	21/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1414	211124008222	Nguyễn Thị Ni Na	13/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1415	211121601528	Nguyễn Thị Vy Na	28/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1416	211124029123	Nguyễn Hoàng Nam	15/09/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1417	211124029222	Nguyễn Tùng Nam	18/01/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1418	211121601529	Nguyễn Thị Hằng Nga	25/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1419	211121601628	Trần Thị Hồng Nga	13/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1420	211124022120	Hoàng Thị Kim Nga	10/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1421	211124022331	Võ Ngọc Linh Nga	12/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1422	211124022119	Lâm Thị Thúy Nga	25/04/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1423	211121601728	Nguyễn Thị Tuyết Nga	04/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1424	211121601418	Trần Phạm Bảo Ngân	14/01/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1425	211124022232	Cao Thị Bích Ngân	23/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1426	211124008114	Đoàn Thị Diệu Ngân	22/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1427	211124022122	Nguyễn Kim Ngân	16/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1428	211121601218	Lê Thị Kim Ngân	07/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1429	211124029223	Nguyễn Thị Kim Ngân	31/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1430	211124008322	Phạm Phương Ngân	28/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1431	211121601629	Võ Thị Phương Ngân	01/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1432	211124022332	Nguyễn Thị Thanh Ngân	26/01/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1433	211121601118	Phan Thu Ngân	13/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1434	211124008223	Phạm Thị Thúy Ngân	03/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1435	211124022121	Trần Nguyễn Thùy Ngân	09/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1436	211121601729	Bùi Thị Tuyết Ngân	16/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1437	211124029125	Đoàn Ân Ngọc	04/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1438	211124022333	Dương Bảo Ngọc	28/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1439	211121601120	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	27/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1440	211121601530	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	17/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1441	211124008323	Lê Nữ Hoàng Ngọc	16/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1442	211121601219	Nguyễn Hồng Ngọc	25/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1443	211124029224	Nguyễn Hồng Ngọc	26/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1444	211121601119	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1445	211121601319	Dương Kim Ngọc	06/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1446	211121601220	Nguyễn Kim Ngọc	07/10/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1447	211124022233	Hoàng Thị Kim Ngọc	20/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1448	211124008115	Phạm Mai Ngọc	29/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1449	211121601419	Lê Đoàn Minh Ngọc	12/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1450	211121601121	Nguyễn Trần Bảo Nguyên	08/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1451	211121601730	Thái Hạnh Nguyên	17/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1452	211121601630	Lê Thị Hoàng Nguyên	07/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1453	211124022123	Nguyễn Thị Khánh Nguyên	27/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1454	211121601420	Lê Khôi Nguyên	17/06/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1455	211121601221	Phan Nguyễn Khôi Nguyên	04/08/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1456	211124029225	Nguyễn Hữu Nhật Nguyên	19/09/2003	Huế	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1457	211124008116	Nguyễn Cao Phương Nguyên	05/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1458	211124008224	Đỗ Thái Nguyên	27/02/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1459	211124008118	Phạm Thảo Nguyên	28/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1460	211124008117	Trần Thị Thảo Nguyên	16/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1461	211124008225	Tạ Đình Trần Nguyên	12/07/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1462	211124022334	Lê Thị Trường Nguyên	11/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1463	211124008324	Hồ Văn Nguyên	21/09/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1464	211121601531	Trần Thị Minh Nguyệt	14/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1465	211124022235	Hồ Hữu Nhã	01/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1466	211121601321	Huỳnh Ngọc Phương Nhã	16/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1467	211121601631	Hồ Thanh Nhã	13/03/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1468	211124022335	Phạm Thị Quý Nhân	05/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1469	211124008325	Lê Huỳnh Bá Nhân	14/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1470	211124022236	Lê Thúc Hiếu Nhân	10/11/2002	Huế	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1471	211124022124	Huỳnh Phan Thế Nhân	03/07/2003	Huế	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1472	211121601421	Nguyễn Thanh Nhật	02/08/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1473	211121601533	Nguyễn Thị Ái Nhi	12/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1474	211121601223	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	09/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1475	211124008121	Phạm Hoài Nhi	02/03/2003	Minh	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1476	211121601422	Hồ Hoàng Nhi	03/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1477	211121601124	Nguyễn Thị Linh Nhi	31/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1478	211124022336	Lê Phương Nhi	30/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1479	211121601122	Nguyễn Phương Nhi	01/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1480	211124008122	Nguyễn Phương Nhi	16/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1481	211121601423	Lê Nguyễn Phương Nhi	14/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1482	211124008226	Huỳnh Thị Phương Nhi	23/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1483	211124022125	Trần Thị Quỳnh Nhi	17/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1484	211124029126	Trần Thảo Nhi	18/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1485	211121601123	Nguyễn Võ Thảo Nhi	08/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1486	211121601733	Mai Thị Nhi	07/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1487	211124008326	Phan Tuyết Nhi	20/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1488	211124029226	Nguyễn Trần Tuyết Nhi	30/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1489	211121601633	Nguyễn Phan Uyên Nhi	04/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1490	211121601632	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	20/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1491	211124022126	Lê Thị Uyên Nhi	05/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1492	211121601323	Nguyễn Vân Nhi	01/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1493	211121601222	Đinh Thị Vân Nhi	30/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1494	211121601731	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	07/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1495	211124022237	Nguyễn Lê Yến Nhi	20/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1496	211124008120	Hà Ngọc Yến Nhi	13/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1497	211124022127	Nguyễn Thị Yến Nhi	12/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1498	211121601732	Nguyễn Thị Yến Nhi	03/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1499	211121601322	Trần Thị Yến Nhi	20/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1500	211121601532	Trần Thị Yến Nhi	27/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1501	211124022128	Châu Thị Cẩm Nhu	30/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1502	211121601224	Nguyễn Thị Hương Nhu	20/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1503	211121601735	Lê Thị Hồng Nhung	14/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1504	211124008327	Nguyễn Thị Hồng Nhung	24/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1505	211124008228	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1506	211121601225	Phan Thị Hồng Nhung	05/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1507	211124022129	Võ Thị Diệu Như	25/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1508	211121601424	Võ Hà Như	03/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1509	211124029127	Nguyễn Lê Hoàng Như	13/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1510	211121601734	Đinh Hồng Như	28/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1511	211121601125	Hồ Lê Phương Như	19/12/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1512	211121601534	Trần Thị Quỳnh Như	21/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1513	211124008227	Nguyễn Quỳnh Như	02/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1514	211124022337	Đinh Thị Quỳnh Như	15/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1515	211121601635	Nguyễn Thị Quỳnh Như	27/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1516	211124022130	Nguyễn Thị Quỳnh Như	13/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1517	211121601324	Trần Thị Quỳnh Như	31/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1518	211121601535	Trần Võ Quỳnh Như	06/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1519	211121601634	Trần Thị Trúc Như	27/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1520	211121601325	Võ Thị Tố Nữ	11/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1521	211121601226	Đinh Thị Hoàng Oanh	30/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1522	211121601326	Lê Nguyễn Kiều Oanh	31/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1523	211121601426	Ôn Nguyễn Kiều Oanh	10/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1524	211121601126	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1525	211121601425	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	06/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1526	161121723166	Nguyễn Thị Oanh	22/12/1996	Quảng Trị	Nữ	Kinh	42K23	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1527	211121601636	Võ Văn Phát	08/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1528	211121601536	Trần Phước Bá Phát	02/10/2003	Mình	Nam	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1529	211121601537	Hồ Nữ Hằng Phi	12/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1530	211124022338	Trương Hồng Phi	15/03/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1531	211121601736	Hà Ngọc Phi	28/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1532	211121601637	Hồ Hoàn Phong	12/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1533	211121601737	Trần Phước Kỳ Phong	24/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1534	211121601538	Phạm Võ Thị Phóng	28/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1535	211121601638	Phạm Ngọc Phú	06/10/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1536	211124022131	Phan Tuấn Phú	15/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1537	211121601127	Trần Kim Bảo Phúc	30/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1538	211124029227	Phan Minh Phúc	23/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1539	211121601738	Bùi Như Phúc	10/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1540	211124022239	Nguyễn Xuân Phúc	01/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1541	211121601539	Hoàng Ái Phụng	02/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1542	211124022339	Nguyễn Thị Dũ Phụng	28/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1543	211124029128	Nguyễn Văn Hữu Phước	20/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1544	211124022240	Nguyễn An Minh Phước	29/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1545	211121601227	Trần Thị Quý Phước	10/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1546	211121601427	Đỗ Hà Phương	25/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1547	211124008123	Nguyễn Thị Huệ Phương	28/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1548	211121601328	Nguyễn Huỳnh Phương	19/07/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1549	211124022340	Đinh Thiện Kiều Phương	06/05/2003	Khánh Hoà	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1550	211121601739	Nguyễn Kim Phương	06/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1551	211124008229	Phan Mai Phương	04/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1552	211121601327	Phạm Vũ Mai Phương	04/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1553	211124029228	Lê Thanh Phương	10/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1554	211124022341	Hoàng Thị Thanh Phương	22/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1555	211124022241	Phan Thị Thanh Phương	03/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1556	211124008124	Lê Thị Phương	15/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1557	211121601228	Nguyễn Thị Phương	14/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1558	211124008328	Đặng Lê Thu Phương	10/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1559	211121601128	Lê Khả Tuyết Phương	28/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1560	211124008329	Nguyễn Thị Kim Phương	04/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1561	211124029129	Nguyễn Thị Minh Phương	13/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1562	211121601428	Nguyễn Thị Ngọc Phương	11/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1563	211121601540	Nguyễn Thị Thu Phương	11/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1564	211124029230	Nguyễn Hoàng Đăng Quang	20/10/2003	Huế	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1565	211124022242	Trương Nhật Quang	02/06/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1566	211124029229	Nguyễn Thị Lệ Quân	10/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1567	211124029130	Trần Minh Quân	08/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1568	211124022132	Lê Ngọc Quân	27/07/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1569	211124022342	Nguyễn Anh Quốc	13/03/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1570	211121601129	Trương Lê Quang Quốc	30/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1571	211124029131	Trần Thanh Quý	08/01/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1572	211121601640	Lê Thị Quý	20/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1573	211121601229	Nguyễn Khánh Quyên	03/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1574	211121601740	Trần Mỹ Quyên	02/01/2003	Cần Thơ	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1575	211124008230	Nguyễn Thục Quyên	22/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1576	211121601541	Nguyễn Phúc Thục Quyên	27/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1577	211121601641	Nguyễn Thị Thúy Quyên	01/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1578	211124008330	Nguyễn Hương Diễm Quỳnh	01/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1579	211121601742	Đoàn Cao Diệu Quỳnh	09/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1580	211121601130	Trần Duy Quỳnh	01/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1581	211121601329	Nguyễn Thị Lan Quỳnh	09/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1582	211121601542	Hoàng Như Quỳnh	08/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1583	211121601429	Phạm Như Quỳnh	02/09/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1584	211121601543	Lê Thị Như Quỳnh	27/09/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1585	211124029132	Trần Thị Như Quỳnh	07/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1586	211121601741	Trương Thị Như Quỳnh	04/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1587	211121601642	Nguyễn Thụy Như Quỳnh	17/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1588	211124022243	Phan Trần Quỳnh Quỳnh	22/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1589	211124008126	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	03/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1590	211124008125	Trần Trúc Quỳnh	17/04/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1591	211121601230	Trần Thị Châu Sa	05/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1592	211124022133	Huỳnh Như Sa	23/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1593	211124022134	Ngô Đức Sanh	03/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1594	181123012330	Trần Hoài Sơn	25/05/2000	Quảng Trị	Nam	Kinh	44K12.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1595	211121601643	Nguyễn Lê Minh Sơn	30/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1596	211124029232	Trần Mai Sương	05/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1597	181124022153	Nguyễn Thị Thu Sương	31/07/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	44K22.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1598	211124022343	Võ Thị Thu Sương	29/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1599	211121601330	Đinh Tấn Tài	04/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1600	211121601231	Nguyễn Đăng Minh Tâm	01/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1601	211121601131	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	09/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1602	211121601431	Nguyễn Thị Minh Tâm	10/11/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1603	211124022245	Dương Mỹ Tâm	27/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1604	211121601743	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	04/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1605	211121601331	Nguyễn Thị Quỳnh Tâm	17/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1606	211124022244	Hồ Thanh Tâm	23/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1607	211124022344	Lê Thị Thanh Tâm	01/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1608	211124008231	Nguyễn Thị Tâm	12/01/2003	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1609	211121601430	Trần Thị Thu Tâm	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1610	211121601132	Nguyễn Văn Tâm	10/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1611	211124008127	Nguyễn Nhật Tân	14/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1612	211124008128	Dư Công Tấn	02/07/2003	Bình Định	Nam	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1613	211124008331	Nguyễn Vũ Thạch	12/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1614	211121601544	Trần Huỳnh Công Thanh	11/07/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1615	211124008233	Nguyễn Thị Thanh	27/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1616	211124022246	Nguyễn Phước Thành	24/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1617	211124029133	Đặng Văn Thành	07/07/2003	Huế	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1618	211121601232	Phùng Văn Thành	29/07/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1619	211121601134	Trương Thị Bích Thảo	23/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1620	211121601233	Nguyễn Thị Diễm Thảo	20/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1621	211124008334	Lê Thị Hiền Thảo	31/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1622	211124022346	Nguyễn Đặng Phương Thảo	04/12/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1623	211124022135	Mai Thị Phương Thảo	28/06/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1624	211121601545	Ngô Thị Phương Thảo	02/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1625	211124008235	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/12/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1626	211121601432	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/07/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1627	211124008335	Võ Thị Phương Thảo	25/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1628	211121601332	Nguyễn Hồ Thanh Thảo	23/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1629	211124008130	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1630	211124008333	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1631	211121601133	Nguyễn Lê Thu Thảo	06/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1632	211124008234	Cao Thị Thu Thảo	16/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1633	211124029233	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1634	211121601433	Trần Thị Thu Thảo	03/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1635	211124008129	Nguyễn Vũ Thu Thảo	14/12/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1636	211121601645	Võ Thị Vy Thảo	14/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1637	211124008332	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15/05/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1638	211124008232	Trương Thị Thắm	10/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1639	211124022345	Huỳnh Hữu Thắng	13/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1640	211124029134	Nguyễn Đỗ Kim Thi	01/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1641	211121601745	Lê Ngọc Thanh Thi	03/08/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1642	211124008131	Ngô Thị Xuân Thi	26/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1643	211124008236	Trương Nguyễn Công Thiện	21/05/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1644	211121601234	Phan Quang Thiện	21/06/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1645	211124029234	Lê Hoàng Thịnh	27/07/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1646	211121601334	Hà Phước Thịnh	17/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1647	211124008132	Lê Quang Thịnh	18/04/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1648	211124022247	Nguyễn Văn Thịnh	01/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1649	211124029135	Nguyễn Thị Anh Thơ	13/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1650	211121601434	Lê Thị Ngọc Thơ	29/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1651	211121601135	Trần Quảng Hoài Thu	03/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1652	211124008133	Nguyễn Huỳnh Thị Kim Thu	31/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1653	211121601647	Nguyễn Thị An Thực	03/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1654	211124022137	Lương Đoan Thực	10/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1655	211121601548	Nguyễn Thị Thu Thúy	01/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1656	211124008238	Lê Thị Thúy	14/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1657	211124022138	Nguyễn Đoan Thùy	25/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1658	211121601648	Lại Ngọc Phương Thùy	31/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1659	211124029136	Hồ Thị Thanh Thủy	21/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1660	211124008135	Đỗ Thị Thủy	14/08/2003	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1661	211121601748	Nguyễn Thị Thủy	30/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1662	211124008338	Nguyễn Thị Bích Thuyền	07/06/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1663	211121601746	Đặng Bảo Anh Thư	02/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1664	211124008337	Lê Anh Thư	07/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1665	211121601335	Vũ Lê Anh Thư	20/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1666	211124022348	Nguyễn Ngọc Anh Thư	19/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1667	211121601547	Bùi Phạm Anh Thư	02/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1668	211124022347	Nguyễn Thị Anh Thư	28/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1669	211124029235	Vô Trần Anh Thư	31/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1670	211121601435	Nguyễn Hoàng Thư	24/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1671	211121601546	Đinh Linh Thư	03/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1672	211124022248	Vô Nguyễn Minh Thư	01/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1673	211124008134	Lê Thị Minh Thư	08/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1674	211124008237	Trần Thị Minh Thư	06/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1675	211124022136	Vô Thị Minh Thư	12/05/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1676	211121601235	Ngô Quỳnh Thư	01/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1677	211121601646	Lê Thị Thư	14/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1678	211121601136	Nguyễn An Bảo Thy	17/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1679	211124022249	Nguyễn Lê Cẩm Tiên	22/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1680	211124022250	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	03/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1681	211121601236	Nguyễn Phạm Phương Tiên	05/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1682	211124022139	Đặng Thị Thủy Tiên	20/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1683	211124022349	Đoàn Thị Thủy Tiên	15/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1684	211124022350	Phan Thanh Tiến	16/01/2003	Huế	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1685	211121601549	Nguyễn Thị Tín	10/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1686	211121601336	Nguyễn Văn Tính	23/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1687	211124029236	Bùi Ngọc Tình	22/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1688	211124008239	Phạm Khánh Toàn	01/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1689	211124022251	Trần Minh Toàn	12/01/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1690	211121601436	Trần Thị Phương Trà	05/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1691	211124022351	Nguyễn Thanh Trà	14/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1692	211124029137	Nguyễn Thị Thanh Trà	22/12/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1693	211121601751	Nguyễn Minh Ánh Trang	28/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1694	211121601652	Nguyễn Thị Đoan Trang	31/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1695	211121601651	Đinh Thị Huyền Trang	22/04/1999	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1696	211121601552	Lê Trương Huyền Trang	25/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1697	211121601752	Võ Thị Kiều Trang	02/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1698	211124022140	Lê Kiều Trang	24/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1699	211121601238	Phan Đình Phương Trang	29/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1700	211121601138	Đặng Thị Thanh Trang	18/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1701	211124008137	Thái Thị Thu Trang	14/07/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1702	211124022254	Cao Thị Thủy Trang	10/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1703	211124008340	Phạm Thị Thủy Trang	23/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1704	211124022353	Trần Thị Thủy Trang	11/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1705	211124008241	Võ Thị Thủy Trang	21/07/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1706	211124029238	Trịnh Thủy Trang	01/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1707	211124022253	Lê Thị Ái Trâm	03/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1708	211121601750	Nguyễn Thị Bích Trâm	31/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1709	211124029237	Nguyễn Thị Bích Trâm	16/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1710	211124022352	Hoàng Hà Trâm	17/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1711	211121601749	Võ Thị Huyền Trâm	27/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1712	211124008240	Lê Minh Trâm	08/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1713	211121601137	Nguyễn Thị Minh Trâm	08/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1714	211121601650	Trần Thị Ngọc Trâm	21/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1715	211121601237	Dương Thị Ngọc Trâm	06/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1716	211124022252	Đặng Thị Ngọc Trâm	23/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1717	211124008339	Lê Nguyễn Quỳnh Trâm	19/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1718	211121601649	Dương Thùy Trâm	21/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1719	211121601437	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	24/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1720	211121601551	Trần Thanh Chân Trân	27/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1721	211124029138	Đặng Huỳnh Ngọc Trân	27/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1722	211124008341	Phan Minh Trí	06/09/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1723	211121601438	Nguyễn Bảo Trinh	26/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1724	211124008138	Trịnh Thị Bảo Trinh	01/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1725	211124022354	Bùi Thị Hoài Trinh	24/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1726	211121601554	Lê Nguyễn Thị Kiều Trinh	11/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1727	211124008243	Nguyễn Xuân Kiều Trinh	30/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1728	211121601553	Hồ Thị Lan Trinh	21/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1729	211121601653	Trần Thị Ngọc Trinh	20/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1730	211121601338	Phan Thị Thảo Trinh	27/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1731	211121601753	Nguyễn Thị Trinh	30/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1732	211124008242	Lê Thị Thùy Trinh	11/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1733	211124008342	Võ Thị Thủy Trinh	23/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1734	211124022141	Nguyễn Thị Như Trúc	26/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1735	211121601139	Lê Thị Thanh Trúc	24/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1736	211121601555	Ngô Thị Thanh Trúc	24/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1737	211124022255	Phan Công Trung	27/01/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1738	211121601239	Nguyễn Xuân Trường	30/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1739	211124029139	Lê Công Tú	09/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1740	211121601339	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	11/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1741	211124008139	Trần Huỳnh Cẩm Tú	21/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1742	211124022256	Hoàng Thị Ngọc Tú	28/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1743	211124022355	Huỳnh Văn Tú	17/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1744	211124022257	Lê Anh Tuấn	27/02/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1745	211124029140	Lê Anh Tuấn	04/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1746	211124022356	Nguyễn Anh Tuấn	25/11/2003	Huế	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1747	211124029240	Luyện Minh Tuấn	24/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1748	211121601655	Trần Quốc Tuấn	30/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1749	211121601439	Bùi Thanh Tùng	27/01/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1750	211121601755	Phan Thị Thanh Tuyền	07/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1751	211124008343	Trần Triệu Thanh Tuyền	23/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1752	211121601656	Nguyễn Hoàng Ánh Tuyết	22/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1753	211124022142	Lê Thị Tuyết	08/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1754	211121601556	Lê Thị Thu Tuyết	18/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1755	211124022357	Phan Thị Cát Tường	24/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1756	211121601140	Trần Diễm Uyên	16/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1757	211121601141	Ngô Ngọc Hoàng Uyên	14/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1758	211121601657	Trần Thị Kim Uyên	10/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1759	211121601756	Trần Võ Mai Uyên	09/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1760	211121601440	Hồ Thị Nhã Uyên	15/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1761	191121302554	Trần Hoàng Phương Uyên	09/09/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	45K02.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1762	211121601240	Lê Phương Uyên	27/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1763	211121601340	Lê Phương Uyên	05/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1764	211121601557	Lê Ngọc Phương Uyên	02/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1765	211124008141	Nguyễn Thị Phương Uyên	14/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1766	211124008244	Phan Vũ Phương Uyên	11/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1767	211121601757	Nguyễn Nông Thảo Uyên	15/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1768	211121601558	Nguyễn Thu Uyên	24/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1769	211124008140	Đặng Trần Thu Uyên	12/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1770	211124022143	Đoàn Thị Tổ Uyên	03/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1771	211124008344	Lê Thị Tổ Uyên	04/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1772	211121601658	Nguyễn Thị Tổ Uyên	20/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1773	211124008142	Trương Hồng Vân	06/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1774	211124029141	Trương Thị Kiều Vân	16/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1775	211121601241	Nguyễn Lê Thanh Vân	20/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1776	211121601441	Lê Thị Thảo Vân	03/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1777	211121601242	Nguyễn Thanh Hà Vi	09/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1778	211124029241	Trần Hàn Vi	14/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1779	211121601559	Nguyễn Thị Thảo Vi	15/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1780	211121601758	Nguyễn Thị Tường Vi	03/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1781	211121601142	Tăng Thị Tường Vi	12/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1782	211121601442	Hồ Ngọc Vĩ	09/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1783	211124022258	Đinh Quốc Việt	25/06/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1784	211124029142	Trần Nguyễn Quốc Việt	24/06/2003	Huế	Nam	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1785	211121601659	Nguyễn Trung Việt	07/07/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1786	211124022358	Nguyễn Khánh Vinh	13/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1787	211121601759	Đặng Quang Vinh	09/12/2003	Huế	Nam	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1788	211124029242	Đoàn Huy Vũ	02/07/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1789	211124008245	Trần Huy Vũ	17/02/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1790	211124029143	Hoàng Như Vương	30/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1791	211121601561	Vô Hà Vy	28/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1792	211124029244	Đặng Thị Hạ Vy	22/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1793	211124029243	Phạm Thị Hoài Vy	09/04/2002	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1794	211121601443	Phạm Thị Hoàng Vy	17/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.4	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1795	211121601143	Phùng Khánh Vy	01/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1796	211124029144	Vô Lan Vy	25/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1797	211121601343	Ngô Thị Nhật Vy	22/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1798	211124022259	Cao Thảo Vy	03/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1799	211121601760	Huỳnh Thị Thúy Vy	17/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1800	211124008345	Nguyễn Thị Triệu Vy	02/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1801	211121601660	Lê Đặng Tường Vy	25/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1802	211124022144	Nguyễn Tường Vy	02/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1803	211121601144	Doãn Thị Tường Vy	17/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.1	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1804	211124008246	Nguyễn Thị Tường Vy	26/06/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K08.2	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1805	211121601560	Lê Trần Uyên Vy	29/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1806	211121601244	Lê Hoàng Thảo Xuân	20/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.2	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1807	211124008346	Bùi Thị Như Ý	16/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K08.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1808	211124022260	Nguyễn Thị Như Ý	05/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1809	211121601661	Phan Thị Như Ý	04/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1810	211121601761	Nguyễn Thị Thu Yên	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.7	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1811	211121601562	Bùi Thị Hải Yên	11/07/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1812	211124022261	Ngô Hoàng Yến	17/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1813	211124008144	Đoàn Thị Kim Yến	11/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K08.1	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1814	211124029145	Lê Thị Kim Yến	12/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1815	211121601662	Hoàng Thị Minh Yến	21/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1816	211124022360	Lê Thị Thu Yến	27/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1817	16010021	Trương Thị Yến Nhi	01/09/1998	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	16IBM2	VNUK	VNUK	GDQPAN - K2
1818	211121018104	Ngô Ngọc Thị Thùy Dung	17/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1819	211121006221	Trần Quang Khải	25/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1820	211121006238	Nguyễn Thị Minh Phương	31/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K06.2	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1821	211121018133	Trịnh Thị Quỳnh	15/07/2003	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1822	211121006341	Nguyễn Thị Hoài Sương	25/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K06.3	DUE	K4B	GDQPAN - K4
1823	211121006137	Phạm Thị Quý Thi	09/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K06.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1824	211121018141	Trần Trịnh Cẩm Tú	11/12/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K18.1	DUE	K4A	GDQPAN - K4
1825	211124029103	Nguyễn Phan Minh Anh	18/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K29.1	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1826	211121601612	Nguyễn Bích Tiến Hào	16/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.6	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1827	211124022321	Lê Quang Đăng Khoa	19/02/2003	Mình	Nam	Kinh	47K22.3	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1828	211121601521	Trần Khánh Linh	02/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1829	211121601318	Nguyễn Trọng Bảo Ngân	16/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1830	211124022234	Nguyễn Thị Như Ngọc	28/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K22.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1831	211121601320	Trần Thục Nguyên	10/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1832	211124029231	Phạm Thị Xuân Quý	14/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1833	211121601550	Nguyễn Thị Trâm	28/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.5	DUE	K5A	GDQPAN - K5
1834	211121601337	Trần Bảo Trân	03/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1835	211124029239	Lê Nguyễn Trung Tuấn	10/07/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K29.2	DUE	K5C	GDQPAN - K5
1836	211121601342	Trần Thị Tường Vi	07/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K01.3	DUE	K5B	GDQPAN - K5
1837	211121325301	Nguyễn Viết Hoài An	25/08/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1838	211121330101	Võ Hồ An	23/01/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1839	211121325201	Hồ Mỹ An	21/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1840	211121325101	Nguyễn Phương An	19/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1841	211121302201	Phạm Quảng An	22/05/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1842	211121132101	Phạm Thị An	03/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1843	211121120101	Nguyễn Thúy An	10/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1844	211121120103	Nguyễn Chí Anh	14/08/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1845	211121132103	Huỳnh Thạch Diệu Anh	19/05/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1846	211121302301	Lê Công Duy Anh	17/06/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1847	211121132102	Nguyễn Đức Anh	26/10/2003	Minh	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1848	211121132201	Cao Hoàng Anh	07/11/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1849	211121132203	Hồ Nguyễn Minh Anh	06/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1850	211121120104	Đặng Nguyệt Anh	09/06/2003	Thái Bình	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1851	211121132202	Bùi Nguyễn Phương Anh	24/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1852	211121325202	Tôn Nữ Phương Anh	10/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1853	211121317101	Trương Thị Phương Anh	02/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1854	211121120105	Phùng Thị Anh	29/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1855	211121927101	Phan Thị Hồng Ánh	19/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1856	211121132104	Phạm Thị Ngọc Ánh	02/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1857	211121120102	Nguyễn Hồng Thiên Ân	04/05/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1858	211121209101	Nguyễn Duy Bảo	20/10/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1859	211121302202	Nguyễn Hiếu Bảo	20/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1860	211121132204	Nguyễn Hoàng Bảo	22/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1861	211121330103	Đinh Quốc Thái Bảo	10/03/2003	Huế	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1862	211121302101	Châu Thiên Bảo	10/04/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1863	211121330102	Nguyễn Thị Việt Bắc	19/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1864	211121120106	Võ Hồng Tiểu Băng	17/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1865	211121927102	Phan Thị Bân Bân	01/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1866	211121330104	Trần Ngọc Bích	31/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1867	211121325302	Phan Thị Bảo Bình	27/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1868	211121330105	Trần Bá Bửu	19/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1869	211121120107	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	12/02/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1870	211121927103	Trần Ngọc Bảo Châu	06/01/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1871	211121132106	Nguyễn Phạm Bảo Châu	30/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1872	211121927104	Trịnh Bảo Châu	21/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1873	211121120108	Lê Minh Châu	07/10/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1874	211121325203	Lê Thị Minh Châu	11/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1875	211121132105	Nguyễn Trần Minh Châu	21/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1876	211121132205	Lê Nữ Quỳnh Châu	17/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1877	211121120109	Bùi Thị Kim Chi	24/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1878	211121325204	Đỗ Thị Kim Chi	22/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1879	211121325102	Nguyễn Thị Chi	10/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1880	211121132206	Nguyễn Quang Chinh	15/02/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1881	211121302302	Nguyễn Thị Thúy Chung	26/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1882	211121302203	Phạm Thị Quý Chương	11/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1883	211121325103	Nguyễn Thanh Chương	28/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1884	211121302303	Đổng Phước Công	11/04/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1885	211121330106	Lê Mậu Cường	16/02/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1886	211121330107	Trương Vĩnh Cường	05/10/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1887	211121325205	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	29/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1888	211121302102	Nguyễn Thị Phương Diễm	22/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1889	211121325305	Bùi Nguyễn Thúy Diễm	02/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1890	211121302205	Huỳnh Thị Diên	18/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1891	211121325206	Lê Thị Mỹ Diệu	23/07/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1892	211121302305	Phan Thị Như Diệu	08/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1893	211121325105	Trần Thị Mi Đơn	28/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1894	211121927105	Phạm Hưng Dung	10/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1895	211121132207	Bùi Thị Thu Dung	25/11/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1896	211121325106	Nguyễn Thùy Dung	16/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1897	211121302206	Phan Nguyễn Thùy Dung	09/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1898	211121325307	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/02/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1899	211121927106	Trần Nguyễn Đình Dũng	30/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1900	211121132108	Đoàn Minh Dũng	25/02/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1901	211121209104	Nguyễn Văn Duy	26/07/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1902	211121317103	Huỳnh Mỹ Duyên	22/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1903	211121132208	Đặng Thị Mỹ Duyên	04/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1904	211121302103	Trần Mỹ Duyên	14/02/2003	Tây Ninh	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1905	211121927107	Hoàng Trương Mỹ Duyên	02/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1906	211121325209	Lê Thị Ngọc Duyên	17/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1907	211121325308	Trần Trúc Duyên	14/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1908	211121325208	Lê Thị Tú Duyên	15/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1909	211121120112	Phạm Hải Dương	02/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1910	211121104102	Khuru Quý Dương	12/07/2003	Bình Định	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1911	211121302207	Phạm Thùy Dương	12/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1912	211121302204	Phạm Thị Linh Đa	25/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1913	211121325304	Trần Thị Anh Đào	03/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1914	211121317102	Trần Anh Đào	10/04/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1915	211121209102	Ngô Thị Ánh Đào	21/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1916	211121104101	Đặng Quốc Đạt	16/03/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1917	211121120111	Nguyễn Thành Đạt	01/09/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1918	211121302304	Hoàng Trọng Đạt	14/04/2003	Huế	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1919	211121120110	Trần Hải Đăng	19/08/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1920	211121325104	Nguyễn Hà Diệp	10/09/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1921	211121325306	Võ Nam Định	24/10/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1922	211121132107	Nguyễn Quang Định	21/04/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1923	211121325207	Nguyễn Việt Đức	26/02/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1924	211121325309	Hồ Thị Bích Giang	27/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1925	211121132209	Tôn Nữ Châu Giang	15/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1926	211121325210	Nguyễn Thị Hà Giang	26/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1927	211121209105	Nguyễn Thị Hoài Giang	12/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1928	211121209106	Võ Thị Huỳnh Giang	19/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1929	211121302208	Nguyễn Thị Hương Giang	22/08/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1930	211121927108	Nguyễn Thanh Phương Giang	10/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1931	211121330108	Lê Nguyễn Quỳnh Giang	18/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1932	211121330109	Lê Nữ Quỳnh Giang	28/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1933	211121120113	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	10/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1934	211121325310	Đoàn Thị Giang	10/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1935	211121120115	Nguyễn Thị Giang	26/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1936	211121120116	Nguyễn Thị Thùy Giang	20/05/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1937	211121132109	Nguyễn Trà Giang	09/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1938	211121302307	Hoàng Thị Trà Giang	15/08/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1939	211121120114	Nguyễn Thị Trà Giang	24/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1940	211121302308	Nguyễn Thị Trà Giang	15/11/2003	Hải Phòng	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1941	211121927109	Dương Thị Quỳnh Giao	12/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1942	211121325107	Trần Quỳnh Giao	20/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1943	211121302309	Trần Bích Hà	21/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1944	211121330110	Nguyễn Thị Ngân Hà	11/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1945	211121317104	Trần Ngân Hà	13/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1946	211121302104	Đoàn Nguyễn Phương Hà	12/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1947	211121325108	Bùi Thái Hà	03/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1948	211121132211	Tô Thị Hà	05/01/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1949	211121132111	Huỳnh Đặng Thu Hà	19/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1950	211121325211	Nguyễn Thị Thu Hà	16/01/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1951	211121927110	Nguyễn Phạm Vỹ Hà	07/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1952	211121325109	Hồ Trương Ngọc Hạ	15/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1953	211121325311	Trần Thị Hạ	05/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1954	211121325110	Lê Ngô Thanh Hải	11/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1955	211121132113	Hoàng Minh Hạnh	31/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1956	211121325214	Bùi Thị Mỹ Hạnh	23/10/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1957	211121302311	Lê Thị Mỹ Hạnh	19/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1958	211121325111	Nguyễn Thị Hạnh	20/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1959	211121325112	Trần Nhật Hào	31/08/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1960	211121132213	Nguyễn Thị Hào	22/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1961	211121209107	Nguyễn Thị Diễm Hằng	25/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1962	211121104104	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1963	211121302211	Đỗ Thanh Hằng	25/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1964	211121325213	Đỗ Thị Thanh Hằng	22/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1965	211121132112	Lê Thị Hằng	15/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1966	211121104103	Nguyễn Thị Hằng	20/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1967	211121317105	Diệp Thị Thu Hằng	27/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1968	211121325313	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1969	211121132212	Nguyễn Thúy Hằng	09/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1970	211121302310	Đỗ Thị Thúy Hằng	27/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1971	211121927111	Lê Hoàng Bảo Hân	21/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1972	211121330112	Huỳnh Gia Hân	17/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1973	211121302105	Hứa Gia Hân	16/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1974	211121330111	Huỳnh Thị Ngọc Hân	05/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1975	211121927112	Trần Thị Ngọc Hân	04/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1976	211121325312	Vô Thị Thùy Hân	20/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1977	211121302106	Đặng Đức Hậu	14/01/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
1978	211121325314	Phạm Thị Hiền Hậu	05/03/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1979	211121120117	Nguyễn Thị Hồng Hậu	23/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1980	211121132114	Nguyễn Thị Kim Hậu	30/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1981	211121330113	Trương Thị Mỹ Hậu	18/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1982	211121927113	Nguyễn Thị Hậu	19/06/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1983	211121120118	Trần Văn Hậu	06/02/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1984	211121209108	Lê Thị Hiền	05/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1985	211121120119	Trần Võ Thúy Hiền	30/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1986	211121132214	Lê Thị Xuân Hiền	21/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1987	211121132115	Phạm Lê Thị Kim Hiền	25/12/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1988	211121330114	Lê Thị Thu Hiền	17/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1989	211121317106	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1990	211121302212	Nguyễn Thị Thu Hiền	07/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
1991	211121104105	Trần Thị Thu Hiền	09/02/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1992	211121927114	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	08/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1993	211121330115	Lê Văn Hiếu	25/04/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1994	211121132215	Nguyễn Xuân Hiếu	10/09/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1995	211121325113	Huỳnh Thị Lệ Hoa	22/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1996	211121325215	Mai Thanh Hoà	07/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1997	211121325315	Hồ Thị Hòa	20/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
1998	211121132116	Đoàn Thị Hoài	27/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
1999	211121317107	Phạm Thị Thu Hoài	29/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2000	211121330116	Trần Thảo Hoàn	02/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2001	211121330117	Nguyễn Công Hoàng	22/01/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2002	211121330118	Nguyễn Long Hoàng	25/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2003	211121120120	Nguyễn Nhật Hoàng	24/11/2003	Huế	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2004	211121302312	Nguyễn Tiến Hoàng	15/08/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2005	211121330119	Lê Văn Hoàng	23/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2006	211121325114	Lê Viết Hoàng	01/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2007	211121120121	Nguyễn Việt Hoàng	23/04/2001	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2008	211121325115	Nguyễn Bích Hồng	25/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2009	211121325216	Lê Nguyễn Phước Hồng	06/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2010	211121132216	Thái Thị Hồng	15/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2011	211121132117	Nguyễn Thị Bích Hợp	23/04/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2012	211121302107	Lưu Ngọc Huế	18/04/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2013	211121120122	Nguyễn Thị Bích Huệ	06/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2014	211121132217	Nguyễn Thị Minh Huệ	22/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2015	211121325316	Nguyễn Thị Thu Huệ	25/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2016	211121330120	Nguyễn Quốc Hùng	29/04/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2017	211121209109	Trần Tiểu Hùng	08/09/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2018	211121325217	Nguyễn Tuấn Hùng	12/12/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2019	211121325117	Nguyễn Văn Bình Huy	14/03/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2020	211121104106	Nguyễn Gia Huy	25/08/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2021	211121317111	Phan Thị Minh Huy	10/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2022	211121120123	Phan Nhật Huy	06/10/2003	Huế	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2023	211121302108	Nguyễn Quốc Huy	12/11/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2024	211121317112	Đinh Thị Ánh Huyền	27/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2025	211121132218	Nguyễn Khánh Huyền	10/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2026	211121132118	Phan Khánh Huyền	28/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2027	211121120125	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22/03/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2028	211121302109	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	06/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2029	211121120124	Trần Thị Ngọc Huyền	22/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2030	211121927117	Đinh Nguyễn Thái Huyền	08/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2031	211121927116	Nguyễn Thanh Huyền	30/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2032	211121927118	Hồ Thị Thanh Huyền	18/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2033	211121132219	Trương Thị Huyền	02/01/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2034	211121132119	Lê Thị Thu Huyền	04/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2035	211121325318	Nguyễn Thị Vân Huyền	27/09/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2036	211121120126	Lê Văn Huynh	10/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2037	211121317113	Phạm Đức Huỳnh	04/10/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2038	211121302213	Nguyễn Bá Hưng	13/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2039	211121325317	Phan Hùng Hưng	03/05/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2040	211121302313	Phạm Thị Minh Hương	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2041	211121317108	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	28/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2042	211121317109	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	27/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2043	211121325116	Chu Thị Thu Hương	01/01/2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2044	211121927115	Đoàn Thị Thu Hương	01/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2045	211121330121	Phan Thị Thu Hương	02/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2046	211121325218	Phạm Thị Thu Hường	29/01/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2047	211121317110	Dương Thị Tú Hường	08/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2048	211121302214	Nguyễn Mạnh Hữu	03/07/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2049	211121120127	Huỳnh Quang Khải	08/02/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2050	211121330122	Lê Thanh Khải	09/07/2003	Huế	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2051	211121302110	Trác Thị Như Khang	05/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2052	211121325219	Nguyễn Thục Khang	20/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2053	211121302314	Hoàng Ngọc Bảo Khanh	16/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2054	211121330123	Võ Duy Khánh	23/03/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2055	211121120128	Lê Minh Khánh	14/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2056	211121120129	Hồ Quốc Khánh	12/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2057	211121325319	Nguyễn Thị Vân Khánh	17/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2058	211121132120	Trần Đăng Khoa	21/01/2003	Đắk Nông	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2059	211121330124	Võ Ngọc Toàn Khoa	26/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2060	211121302215	Nguyễn Huỳnh Khôi	03/02/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2061	211121302315	Nguyễn Trúc Minh Khuê	29/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2062	211121132220	Nguyễn Văn Nhật Khương	08/06/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2063	211121302216	Lê Thị Khương	03/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2064	211121325118	Đỗ Thế Kiên	22/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2065	211121317115	Nguyễn Hoàng Kiệt	17/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2066	211121132121	Trần Hữu Kiệt	13/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2067	211121325119	Trần Ngọc Tuấn Kiệt	05/08/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2068	211121120130	Trương Thị Mĩ Kiều	17/09/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2069	211121325220	Nguyễn Thị Kiều	13/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2070	211121302217	Nguyễn An Kỳ	19/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2071	211121325320	Trịnh Thị Hồng Lam	04/09/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2072	211121132221	Đặng Thị Thanh Lam	06/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2073	211121325120	Lê Thị Vân Lam	28/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2074	211121302317	Ngô Thị Ngọc Lan	18/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2075	211121302318	Trần Thị Nhật Lan	26/03/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2076	211121325221	Phan Thị Phương Lan	06/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2077	211121302218	Bùi Thảo Lan	20/06/2003	Lai Châu	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2078	211121132122	Trần Thị Lan	24/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2079	211121209110	Nguyễn Nhật Lâm	28/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2080	211121317116	Bùi Trình Đoàn Lê	02/08/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2081	211121317117	Bùi Thị Mỹ Lệ	02/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2082	211121120132	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	06/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2083	211121317118	Nguyễn Thị Nhật Lệ	11/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2084	211121325321	Hoàng Thị Thanh Lịch	28/02/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2085	211121302319	Nguyễn Đan Linh	20/05/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2086	211121120133	Hoàng Khánh Linh	18/10/2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2087	211121302219	Nguyễn Khánh Linh	20/12/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2088	211121302111	Dương Nữ Khánh Linh	18/08/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2089	211121330126	Phùng Khánh Linh	30/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2090	211121104107	Lương Thị Loan Linh	24/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2091	211121325322	Phạm Thị Mai Linh	03/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2092	211121325224	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2093	211121927120	Trần Thị Mỹ Linh	07/09/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2094	211121330127	Trần Thị Mỹ Linh	17/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2095	211121317119	Nguyễn Thị Ngọc Linh	11/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2096	211121325323	Nguyễn Nhật Linh	27/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2097	211121325121	Nguyễn Thanh Nhật Linh	24/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2098	211121330125	Nguyễn Huỳnh Phương Linh	19/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2099	211121325222	Trần Phương Linh	23/11/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2100	211121325223	Phạm Thị Thanh Linh	22/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2101	211121132223	Nguyễn Thị Linh	24/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2102	211121927119	Phan Ngọc Thùy Linh	23/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2103	211121120134	Nguyễn Thùy Linh	22/12/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2104	211121132222	Nguyễn Thùy Linh	31/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2105	211121120135	Phạm Thùy Linh	12/02/2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2106	211121325324	Đinh Thị Thùy Linh	14/11/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2107	211121132123	Đậu Văn Linh	19/05/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2108	211121927121	Bùi Thị Kiều Loan	02/12/2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2109	211121317121	Lê Thị Thanh Loan	12/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2110	211121325225	Phan Nhất Long	18/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2111	211121330128	Ngô Thiên Long	14/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2112	211121120136	Lê Nho Duy Lộc	01/08/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2113	211121927122	Bùi Đức Lộc	27/02/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2114	211121132124	Cao Xuân Lộc	02/04/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2115	211121120138	Nguyễn Thị Cẩm Luyện	25/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2116	211121325325	Lê Thị Hiền Lương	30/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2117	211121120137	Nguyễn Vinh Lương	30/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2118	211121317123	Lê Thị Cẩm Ly	29/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2119	211121120140	Phan Thị Cẩm Ly	07/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2120	211121302320	Phan Thị Cẩm Ly	15/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2121	211121132225	Trần Thị Cẩm Ly	11/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2122	211121104108	Huỳnh Thị Diễm Ly	10/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2123	211121325226	Hà Thị Khánh Ly	03/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2124	211121302220	Nguyễn Thị Khánh Ly	20/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2125	211121132125	Nguyễn Thị Khánh Ly	24/04/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2126	211121132224	Nguyễn Thị Lưu Ly	17/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2127	211121317122	Nguyễn Thảo Ly	06/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2128	211121330129	Trương Thị Thảo Ly	25/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2129	211121325122	Đặng Trúc Ly	01/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2130	211121120139	Nguyễn Thị Trúc Ly	16/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2131	211121317124	Vô Thị Trúc Ly	29/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2132	211121104109	Hoàng Chi Mai	08/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2133	211121325227	Ngô Thị Ngọc Mai	18/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2134	211121325327	Nguyễn Thị Ngọc Mai	17/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2135	211121209111	Hoàng Sao Mai	09/08/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2136	211121317125	Nguyễn Thị Mai	03/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2137	211121325328	Nguyễn Công Mạnh	11/11/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2138	211121120141	Đặng Văn Mạnh	28/02/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2139	211121325228	Đoàn Thị Ngọc Mẫn	15/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2140	211121302221	Nguyễn Thị Mận	11/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2141	211121325123	Nguyễn Thị Vũ Mận	12/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2142	211121302321	Bùi Thị Hương Mi	10/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2143	211121132226	Hoàng Nguyễn Bảo Minh	29/08/2003	Huế	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2144	211121325124	Lê Hoàng Minh	16/10/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2145	211121132127	Đinh Thị Khánh Minh	12/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2146	211121132126	Nguyễn Kim Minh	25/08/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2147	211121317126	Võ Tấn Minh	06/09/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2148	211121209113	Phạm Thanh Minh	23/01/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2149	211121927123	Nguyễn Tuấn Minh	10/10/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2150	211121302222	H - Vy Mlô	18/09/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2151	211121132227	Nguyễn Thị Hoài Mơ	11/02/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2152	211121317127	Trần Thị Mi Mơ	26/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2153	211121317128	Nguyễn Thị Hoài My	21/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2154	211121120142	Đặng Thị Huyền My	04/12/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2155	211121325329	Nguyễn Thị My	01/09/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2156	211121325229	Phan Thụy My	04/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2157	211121302113	Tạ Hoàng Trà My	15/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2158	211121302322	Đặng Thị Trà My	25/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2159	211121209114	Nguyễn Đức Mỹ	19/02/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2160	211121132128	Huỳnh Thị Mỹ	16/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2161	211121302323	Trần Thị Ly Na	13/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2162	211121132228	Trần Thị Mỹ Na	25/05/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2163	211121302223	Đỗ Na Na	25/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2164	211121325230	Phạm Thị Na	11/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2165	211121317129	Nguyễn Thị Thu Na	29/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2166	211121132129	Đỗ Thị Vy Na	15/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2167	211121104110	Nguyễn Lê Phương Nam	22/12/2002	Đắk Nông	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2168	211121325330	Nguyễn Hoàng Trung Nam	13/02/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2169	211121132229	Nguyễn Đỗ Hằng Nga	25/03/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2170	211121302224	Trần Thị Linh Nga	10/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2171	211121132130	Nguyễn Quỳnh Nga	20/06/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2172	211121302324	Phạm Thị Thúy Nga	21/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2173	211121325231	Lê Hồ Tuyết Nga	25/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2174	211121132231	Lý Bảo Ngân	25/06/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2175	211121302225	Lê Thị Kim Ngân	10/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2176	211121325332	Nguyễn Thanh Ngân	18/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2177	211121120143	Nguyễn Thị Thanh Ngân	16/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2178	211121927125	Nguyễn Thị Thanh Ngân	09/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2179	211121132131	Lê Thị Thảo Ngân	23/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2180	211121325232	Phan Thị Thảo Ngân	01/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2181	211121132230	Trần Thị Ngân	26/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2182	211121325331	Hồ Thu Ngân	10/01/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2183	211121120144	Hoàng Thị Thúy Ngân	03/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2184	211121104111	Trần Dương Thủy Ngân	17/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2185	211121325233	Đỗ Hoàng Mẫn Nghi	08/03/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2186	211121132232	Nguyễn Ánh Ngọc	01/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2187	211121317131	Hứa Bảo Ngọc	09/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2188	211121325127	Phan Bảo Ngọc	23/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2189	211121132132	Trương Thị Bảo Ngọc	18/01/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2190	211121325128	Văn Thị Bé Ngọc	22/07/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2191	211121325126	Phan Huỳnh Bích Ngọc	10/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2192	211121120145	Lê Thị Bích Ngọc	23/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2193	211121330131	Lê Thị Hồng Ngọc	19/09/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2194	211121927126	Trần Thị Hồng Ngọc	01/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2195	211121330130	Lương Thị Minh Ngọc	24/12/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2196	211121132133	Lữ Đình Nguyên Ngọc	12/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2197	211121302114	Nguyễn Nguyên Ngọc	22/09/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2198	211121317130	Nguyễn Như Ngọc	21/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2199	211121330132	Nguyễn Võ Nhật Nguyên	26/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2200	211121330133	Phạm Nguyễn Phương Nguyên	31/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2201	211121927127	Phan Thảo Nguyên	02/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2202	211121120146	Đặng Thị Thảo Nguyên	20/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2203	211121325333	Trần Thị Thảo Nguyên	08/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2204	211121325129	Lê Viết Thảo Nguyên	09/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2205	211121209116	Bùi Nguyễn Trung Nguyên	03/02/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2206	211121325234	Hà Ánh Nguyệt	19/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2207	211121302115	Phan Thị Ánh Nguyệt	03/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2208	211121302325	Trương Thị Thanh Nguyệt	19/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2209	211121120147	Hồ Đắc Nhã	27/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2210	211121302116	Nguyễn Thị Phương Nhã	21/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2211	211121132233	Trần Tấn Nhân	04/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2212	211121302326	Phan Thành Nhân	08/03/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2213	211121302226	Trần Văn Nhân	25/10/2003	Huế	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2214	211121132134	Nguyễn Đình Nhật	19/03/2003	Bình Thuận	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2215	211121120148	Nguyễn Đức Minh Nhật	18/07/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2216	211121302227	Nguyễn Thị Minh Nhật	24/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2217	211121330136	Võ Thị Ánh Nhi	26/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2218	211121302327	Lê Viết Châu Nhi	01/11/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2219	211121317132	Huỳnh Khánh Nhi	14/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2220	211121325235	Lê Kim Nhi	13/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2221	211121132235	Hồ Thị Ngọc Nhi	06/10/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2222	211121132234	Hồ Ngọc Phương Nhi	01/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2223	211121132236	Cao Thị Phương Nhi	24/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2224	211121132136	Đặng Quý Nhi	30/07/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2225	211121330135	Phan Lê Quỳnh Nhi	04/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2226	211121317133	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	24/08/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2227	211121325335	Trần Thị Tuyết Nhi	20/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2228	211121302228	Võ Thị Uyên Nhi	02/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2229	211121104113	Hồ Uyển Nhi	16/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2230	211121120149	Lê Công Ý Nhi	30/08/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2231	211121120150	Lê Hoàng Ý Nhi	07/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2232	211121132135	Trần Nguyễn Yến Nhi	02/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2233	211121104112	Đỗ Thị Yến Nhi	03/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2234	211121330134	Phạm Thị Yến Nhi	21/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2235	211121302329	Đặng Thị Cẩm Nhung	01/04/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2236	211121317135	Trịnh Cẩm Nhung	28/11/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2237	211121317136	Trần Thị Hồng Nhung	15/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2238	211121325236	Lê Thị Kiều Nhung	29/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2239	211121104115	Nguyễn Thị Phương Nhung	14/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2240	211121302229	Võ Thị Tuyết Nhung	16/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2241	211121927128	Lê Hoàng Nhuyên	26/12/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2242	211121302119	Nguyễn Thị Hoàng Như	05/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2243	211121302118	Lê Quỳnh Như	14/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2244	211121317134	Nguyễn Quỳnh Như	25/08/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2245	211121302117	Trương Nguyễn Quỳnh Như	25/02/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2246	211121209118	Võ Nguyễn Quỳnh Như	20/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2247	211121302328	Nguyễn Thị Quỳnh Như	16/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2248	211121104114	Nguyễn Trần Quỳnh Như	22/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2249	211121209117	Xa Thị Ý Như	01/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2250	211121325336	Nguyễn Hoàng Ánh Ni	17/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2251	211121302120	Trần Diệu Ni	25/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2252	211121132137	Phùng Hải Ni	14/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2253	211121132237	H Kaly Niê	18/12/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2254	211121132238	Nguyễn Thị Huyền Ny	17/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2255	211121132138	Nguyễn Thị Yên Ny	08/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2256	211121132139	Nguyễn Hoàng Oanh	04/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2257	211121330137	Dương Thị Hoàng Oanh	05/05/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2258	211121317137	Lê Thị Hoàng Oanh	23/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2259	211121330138	Đỗ Thị Kiều Oanh	01/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2260	211121325337	Dương Thị Kim Oanh	06/06/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2261	211121325237	Lê Thị Kim Oanh	08/03/2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2262	211121302230	Nguyễn Thị Kim Oanh	04/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2263	211121104116	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	03/07/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2264	211121104117	Phạm Nguyễn Văn Oanh	02/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2265	211121317138	Lương Quang Phát	19/08/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2266	211121132239	Hứa Tấn Phát	03/02/2003	Bình Định	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2267	211121927129	Phan Tuấn Phát	01/08/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2268	211121330139	Đồng Đắc Phi	01/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2269	211121325238	Hoàng Kim Phi	20/08/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2270	211121104118	Nguyễn Quốc Triệu Phong	06/05/2003	Mình	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2271	211121302330	Trương Bá Phúc	21/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2272	211121325130	Nguyễn Hoàng Phúc	25/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2273	211121325239	Võ Như Hồng Phúc	18/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2274	211121325339	Lê Thị Hồng Phúc	04/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2275	211121325338	Trần Thị Hồng Phúc	13/12/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2276	211121120151	Trần Hồng Phúc	03/12/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2277	211121302121	Nguyễn Lam Phúc	22/11/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2278	211121132140	Trần Xuân Phúc	03/02/2003	Huế	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2279	211121302231	Lê Hà Phước	02/01/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2280	211121132240	Nguyễn Hoàng Phước	16/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2281	211121120152	Nguyễn Hữu Phước	01/12/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2282	211121330140	Lê Thị Ngọc Phước	16/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2283	211121104119	Nguyễn Văn Phước	10/05/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2284	211121104120	Nguyễn Thị Anh Phương	30/04/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2285	211121927130	Hồ Văn Diệu Phương	09/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2286	211121302122	Nguyễn Thị Hoài Phương	26/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2287	211121927131	Nguyễn Thị Hoài Phương	10/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2288	211121317139	Huỳnh Lan Phương	04/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2289	211121120153	Ngô Mai Phương	11/11/2003	Lai Châu	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2290	211121120154	Trần Thị Ngọc Phương	10/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2291	211121302331	Lê Thị Nhã Phương	17/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2292	211121209119	Nguyễn Thị Thu Phương	03/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2293	211121302123	Võ Trần Vy Phương	01/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2294	211121302232	Võ Thị Xuân Phương	21/12/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2295	211121317140	Nguyễn Thị Phụng	17/03/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2296	211121325240	Phạm Thị Thu Phụng	24/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2297	211121302124	Hoàng Minh Quang	16/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2298	211121120155	Trần Anh Quân	08/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2299	211121330141	Bùi Minh Quân	05/04/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2300	211121325340	Hoàng Minh Quân	11/09/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2301	211121120156	Trần Thanh Quốc	22/02/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2302	211121302333	Trần Anh Quý	14/11/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2303	211121330142	Nguyễn Phước Định Gia Quý	30/04/2003	Huế	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2304	211121302233	Lê Phú Quý	20/10/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2305	211121325241	Trương Phú Quý	24/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2306	211121132241	Nguyễn Hoàng Nhã Uyên	23/11/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2307	211121317141	Lê Thị Thu Uyên	04/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2308	211121325341	Nguyễn Tôn Tiểu Quyên	03/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2309	211121120157	Võ Thị Tú Quyên	27/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2310	211121302126	Lương Đoàn Diễm Quỳnh	06/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2311	211121325342	Lê Minh Diễm Quỳnh	28/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2312	211121132143	Phạm Thị Diễm Quỳnh	20/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2313	211121132243	Dương Thị Mỹ Quỳnh	11/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2314	211121120158	Lê Thị Ngọc Quỳnh	01/04/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2315	211121325131	Lê Hà Nhật Quỳnh	10/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2316	211121132142	Nguyễn Như Quỳnh	18/01/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2317	211121317142	Bùi Nguyễn Như Quỳnh	08/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2318	211121132144	Dương Thị Như Quỳnh	20/03/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2319	211121132244	Nguyễn Thị Như Quỳnh	13/11/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2320	211121317143	Phạm Thị Như Quỳnh	27/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2321	211121132242	Võ Thị Như Quỳnh	07/05/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2322	211121325242	Phan Thị Quý Quỳnh	28/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2323	211121317144	Phan Thị Quỳnh	16/04/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2324	211121302234	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	22/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2325	211121302125	Võ Thị Xuân Quỳnh	10/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2326	211121927132	Ngô Thu Sa	08/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2327	211121132145	Huỳnh Thị Ngọc Sang	08/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2328	211121120160	Đặng Hoàng Sơn	25/07/2003	Nga	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2329	211121120159	Nguyễn Quang Sơn	28/09/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2330	211121209120	Uông Nguyễn Trường Sơn	05/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2331	211121302334	Võ Thị Thu Sương	09/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2332	211121330143	Hoàng Thị Thu Sương	03/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2333	211121330144	Hoàng Tiến Tài	25/02/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2334	211121302128	Hà Thị Minh Tâm	15/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2335	211121325243	Nguyễn Thị Ngọc Tâm	28/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2336	211121317146	Hồ Thị Thanh Tâm	15/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2337	211121302127	Nguyễn Thị Thanh Tâm	05/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2338	211121302235	Phan Thị Thanh Tâm	12/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2339	211121317147	Nguyễn Thị Tâm	08/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2340	211121209121	Trương Thị Tổ Tâm	05/05/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2341	211121302129	Nguyễn Thị Thanh Tân	12/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2342	211121325343	Võ Văn Tân	08/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2343	211121317150	Lê Nguyễn Đan Thanh	10/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2344	211121132245	Trần Lê Đoan Thanh	01/09/2003	Minh	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2345	211121325244	Võ Trần Nguyên Thanh	22/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2346	211121302335	Đặng Hồ Phương Thanh	27/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2347	211121317151	Phạm Thị Quý Thành	19/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2348	211121927133	Đặng Thị Thành	28/04/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2349	211121104121	Đặng Thị Thành	14/02/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2350	211121104122	Võ Văn Thành	12/04/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2351	211121132146	Phạm Thị Thanh	17/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2352	211121325347	Nguyễn Thúy Diệu Thảo	27/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2353	211121325246	Đặng Thị Kim Thảo	08/03/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2354	211121325346	Đặng Minh Thảo	28/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2355	211121317152	Lê Nguyễn Như Thảo	21/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2356	211121132147	Đinh Phương Thảo	30/11/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2357	211121325245	Lê Phương Thảo	04/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2358	211121330145	Lê Phương Thảo	26/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2359	211121317155	Nguyễn Lê Phương Thảo	02/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2360	211121325134	Trần Lê Phương Thảo	08/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2361	211121302133	Lê Thị Phương Thảo	07/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2362	211121302132	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2363	211121104123	Trần Thị Phương Thảo	22/12/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2364	211121302131	Lê Trần Phương Thảo	20/09/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2365	211121317153	Trịnh Phương Thảo	13/02/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2366	211121330146	Nguyễn Ngô Thạch Thảo	21/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2367	211121325344	Phạm Thạch Thảo	03/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2368	211121302337	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	10/08/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2369	211121325345	Dương Lê Thanh Thảo	09/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2370	211121317154	Lê Thị Thanh Thảo	18/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2371	211121325133	Lê Thị Thanh Thảo	24/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2372	211121302236	Trần Thị Thanh Thảo	22/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2373	211121302237	Trương Thị Thanh Thảo	11/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2374	211121325247	Trần Thanh Thảo	22/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2375	211121104124	Nguyễn Thị Thảo	26/07/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2376	211121120161	Phạm Thị Thảo	31/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2377	211121132246	Đoàn Thu Thảo	12/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2378	211121302336	Ngô Thu Thảo	09/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2379	211121302130	Trần Thị Ánh Thẩm	20/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2380	211121325132	Nguyễn Thị Hồng Thẩm	01/01/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2381	211121317149	Đỗ Văn Thắng	13/08/2003	Hưng Yên	Nam	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2382	211121325248	Nguyễn Thị Anh Thi	02/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2383	211121325348	Mai Đình Thi	18/07/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2384	211121302238	Nguyễn Thị Kim Thi	06/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2385	211121132247	Trần Thị Minh Thi	13/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2386	211121325135	Mai Thanh Thiên	19/12/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2387	211121132148	Lương Thị Khánh Thiện	19/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2388	211121330147	Huỳnh Phước Thiện	24/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2389	211121132248	Nguyễn Tấn Thiện	26/03/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2390	211121132149	Nguyễn Đức Thịnh	02/12/2002	Nghệ An	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2391	211121330149	Trần Huy Thịnh	18/09/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2392	211121330148	Hồ Thị Hưng Thịnh	18/01/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2393	211121330150	Nguyễn Xuân Thịnh	01/08/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2394	211121132249	Nguyễn Công Thọ	29/06/2003	Huế	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2395	211121927134	Nguyễn Thị Minh Thuận	25/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2396	211121325351	Bùi Diệu Thúy	10/02/2002	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2397	211121325252	Bùi Thị Kim Thúy	07/07/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2398	211121317157	Huỳnh Thị Thanh Thúy	01/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2399	211121317158	Nguyễn Thị Thanh Thúy	13/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2400	211121325352	Nguyễn Thị Thanh Thúy	15/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2401	211121302339	Lê Thị Thúy	15/01/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2402	211121132250	Trương Thị Thúy	27/08/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2403	211121302136	Nguyễn Ngọc Thuý	07/12/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2404	211121330151	Phùng Thị Phương Thùy	02/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2405	211121132151	Nguyễn Thị Thùy	04/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2406	211121325253	Phạm Thị Kim Thủy	28/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2407	211121302239	Nguyễn Anh Thư	27/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2408	211121302134	Hồ Phan Anh Thư	04/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2409	211121132150	Nguyễn Thị Anh Thư	02/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2410	211121325136	Nguyễn Thị Anh Thư	15/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2411	211121325349	Nguyễn Trần Anh Thư	19/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2412	211121325249	Phạm Vũ Anh Thư	05/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2413	211121302338	Phan Thị Minh Thư	29/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2414	211121317156	Nguyễn Đỗ Quỳnh Thư	08/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2415	211121120162	Dương Trí Thức	24/01/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2416	211121927135	Phạm Thị Kim Thương	01/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2417	211121325251	Nguyễn Thị Mai Thương	19/02/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2418	211121325350	Võ Thị Thương	14/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2419	211121209122	Phan Huyền Thy	11/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2420	211121132251	Nguyễn Ánh Tiên	07/12/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2421	211121325353	Phan Thị Cẩm Tiên	20/04/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2422	211121330152	Mai Thị Hạnh Tiên	28/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2423	211121120164	Nguyễn Thị Kiều Tiên	19/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2424	211121120163	Phạm Thị Kiều Tiên	18/04/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2425	211121927136	Ngô Trần Mỹ Tiên	02/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2426	211121132152	Lê Thị Thanh Tiên	19/04/2003	Minh	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2427	211121302137	Lê Thanh Thảo Tiên	24/06/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2428	211121325254	Lê Thị Thủy Tiên	07/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2429	211121132252	Nguyễn Việt Tín	13/10/2003	Bình Định	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2430	211121325354	Huỳnh Thị Tình	15/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2431	211121132153	Lê Văn Toại	06/04/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2432	211121132253	Trần Văn Bảo Toàn	29/10/2003	Huế	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2433	211121120165	Nguyễn Nguyễn Minh Toàn	27/09/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2434	211121325255	Trần Thanh Toàn	15/11/2003	Cà Mau	Nam	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2435	211121325137	Phạm Hoàng Hương Trà	02/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2436	211121132154	Lâm Thị Thanh Trà	08/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2437	211121132254	Trần Thị Trà	29/01/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2438	211121330155	Trần Thị Khánh Trang	05/07/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2439	211121302242	Trần Thị Kiều Trang	15/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2440	211121132156	Phạm Thị Linh Trang	11/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2441	211121317162	Hồ Thị Minh Trang	10/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2442	211121325140	Trần Thị Minh Trang	28/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2443	211121120168	Thái Thị Mỹ Trang	26/02/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2444	211121325257	Nguyễn Thị Phương Trang	09/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2445	211121302343	Ngô Quỳnh Trang	22/03/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2446	211121132256	Nguyễn Thị Trang	03/04/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2447	211121317163	Nguyễn Thị Trang	14/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2448	211121120167	Đậu Thị Thu Trang	27/10/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2449	211121132257	Nguyễn Thị Thu Trang	05/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2450	211121302342	Ngô Thị Thùy Trang	10/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2451	211121325256	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/09/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2452	211121317161	Trương Thị Tuyết Trang	10/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2453	211121330153	Nguyễn Thị Bảo Trâm	22/02/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2454	211121132255	Trịnh Thị Bảo Trâm	10/02/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2455	211121325138	Nguyễn Thị Kim Trâm	20/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2456	211121302241	Nguyễn Hồng Ngọc Trâm	22/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2457	211121302340	Lê Thị Ngọc Trâm	09/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2458	211121317160	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2459	211121132155	Đỗ Thị Nhi Trâm	23/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2460	211121120166	Nguyễn Thị Tuyết Trâm	22/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2461	211121325139	Đinh Bảo Trân	30/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2462	211121302341	Mai Bảo Trân	30/05/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2463	211121330154	Trương Thị Ngọc Trân	12/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2464	211121330156	Trần Thị Hữu Trí	18/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2465	211121132157	Ksor Rô Trí	16/10/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2466	211121302244	Lê Bá Triệu	17/06/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2467	211121325358	Nguyễn Lê Bảo Trinh	18/03/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2468	211121302138	Lê Thị Kiều Trinh	04/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2469	211121132258	Lê Thị Kiều Trinh	16/05/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2470	211121325259	Nguyễn Thị Kim Trinh	13/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2471	211121302344	Phạm Lê Trinh	26/03/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2472	211121104125	Ngô Phương Trinh	11/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2473	211121325258	Phạm Thị Trinh	20/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2474	211121325142	Nguyễn Thị Thùy Trinh	12/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2475	211121209123	Phan Thị Tuyết Trinh	17/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2476	211121325141	Võ Thị Vân Trinh	03/08/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2477	211121330157	Võ Thị Viêt Trinh	18/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2478	211121325359	Tưởng Lê Bảo Trúc	12/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2479	211121302245	Nguyễn Thanh Trúc	31/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2480	211121330158	Tân Thanh Trúc	21/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2481	211121209124	Nguyễn Thị Thanh Trúc	03/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K09	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2482	211121927138	Trần Thị Thanh Trúc	15/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2483	211121325143	Nguyễn Thành Trung	15/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2484	211121302345	Trương Viêt Trung	01/07/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2485	211121325144	Nguyễn Thị Truyền	04/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2486	211121104126	Trần Cảnh Trường	18/01/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2487	211121132158	Cao Thị Cẩm Tú	08/09/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2488	211121302139	Trần Thị Cẩm Tú	21/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2489	211121317164	Võ Thanh Tú	13/11/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2490	211121104127	Đinh Thị Tú	01/12/2003	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2491	211121120169	Đặng Công Anh Tuấn	13/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2492	211121132159	Nguyễn Anh Tuấn	29/11/2003	Bình Định	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2493	211121132260	Trần Anh Tuấn	26/05/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2494	211121132259	Nguyễn Đức Tuấn	13/12/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2495	211121330159	Trần Nguyễn Tuấn	07/01/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2496	211121132160	Nguyễn Hoàng Tùng	17/05/2003	Huế	Nam	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2497	211121120170	Lương Thị Bích Tuyền	27/07/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2498	211121302247	Phạm Nguyễn Ánh Tuyết	11/11/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2499	211121302346	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	06/04/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2500	211121302246	Trần Thị Tuyết	17/10/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2501	211121317165	Phạm Thị Tường	19/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2502	211121317167	Ngô Thị Anh Ty	19/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2503	211121330161	Phạm Hoàng Bảo Uyên	12/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2504	211121325360	Nguyễn Khánh Uyên	03/11/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2505	211121302140	Lê Quỳnh Thị Mỹ Uyên	23/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2506	211121325261	Phan Thị Nhật Uyên	02/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2507	211121330160	Nguyễn Huỳnh Phương Uyên	08/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2508	211121325145	Đặng Thị Phương Uyên	18/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2509	211121325260	Nguyễn Thị Thu Uyên	13/06/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2510	211121132261	Nguyễn Thị Thu Uyên	21/01/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2511	211121104128	Phạm Thị Thu Uyên	15/07/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2512	211121325361	Nguyễn Thị Tố Uyên	01/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2513	211121132161	Nguyễn Biện Diệu Uyên	05/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2514	211121330162	Nguyễn Hải Vân	12/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2515	211121120171	Đoàn Thị Kiều Vân	10/03/2003	Huế	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2516	211121104129	Phan Thị Thảo Vân	11/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2517	211121302347	Hoàng Thị Vân	11/07/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2518	211121132262	Nguyễn Thị Tường Vân	08/04/2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2519	211121302248	Lê Thị Tiểu Vi	19/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2520	211121317168	Nguyễn Thị Tường Vi	14/06/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2521	211121302141	Nguyễn Thị Tường Vi	28/09/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2522	211121317169	Phùng Thị Yến Vi	17/06/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2523	211121120172	Nguyễn Bảo Việt	04/01/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2524	211121132162	Nguyễn Đăng Thùy Vinh	15/12/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2525	211121104130	Huỳnh Minh Vũ	26/05/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	47K04	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2526	211121302348	Đoàn Thị Uyên Vui	17/03/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.3	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2527	211121317172	Nguyễn Cẩm Vy	06/04/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2528	211121302249	Trương Hạ Vy	08/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K02.2	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2529	211121330164	Đặng Hoàng Ngọc Vy	27/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2530	211121317170	Nguyễn Thị Phương Vy	20/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2531	211121325362	Nguyễn Thị Thanh Vy	20/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2532	211121330163	Nguyễn Thị Thanh Vy	12/08/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2533	211121132263	Lê Hoàng Thảo Vy	09/11/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2534	211121132163	Đặng Phạm Thảo Vy	12/03/2003	Mình	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2535	211121325262	Nguyễn Thị Thảo Vy	30/09/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2536	211121132264	Phạm Trần Thảo Vy	23/11/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2537	211121302142	Nguyễn Phước Tường Vy	17/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K02.1	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2538	211121927140	Lê Yến Vy	06/06/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6

TT	Mahv	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Đơn vị	Lớp GDQPAN	Khóa học
2539	211121317171	Lê Ngọc Yến Vy	05/02/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2540	211121927141	Huỳnh Thị Yến Vy	22/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K27	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2541	211121325363	Tô Hương Vy	04/11/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	47K25.3	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2542	211121317173	Nguyễn Ngọc Vy	08/03/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2543	211121132164	Nguyễn Thị Vy	16/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	47K32.1	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2544	211121325263	Lê Thị Thúy Vy	11/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2545	211121120173	Phạm Thị Ánh Xuân	06/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K20	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2546	211121317174	Nguyễn Thanh Xuân	27/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2547	211121317175	Hồ Châu Như Ý	23/09/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K17	DUE	K6A	GDQPAN - K6
2548	211121132265	Trần Dương Thiên Ý	06/09/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	47K32.2	DUE	K6C	GDQPAN - K6
2549	211121330165	Đinh Thị Yến	24/06/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	47K30	DUE	K6B	GDQPAN - K6
2550	211121325264	Ngô Thị Yến	10/08/2000	Huế	Nữ	Kinh	47K25.2	DUE	K6B	GDQPAN - K6